

**CÔNG TY CỔ PHẦN
PHÂN ĐẠM VÀ HÓA CHẤT HÀ BẮC**



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2016**

BẮC GIANG – 2017

I. Thông tin chung:

1. Thông tin khái quát:

Tên Công ty	:	Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc
Tên tiếng Anh	:	Habac Nitrogenous Fertilizer & Chemicals Joint Stock Company
Tên viết tắt	:	HANICHEMCO
Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp	:	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2400120344 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp lần đầu ngày 21/12/2006, thay đổi lần thứ 12 ngày 01/01/2016
Vốn điều lệ	:	2.722.000.000.000 đồng (Hai nghìn, bảy trăm hai mươi hai tỷ đồng)
Tổng số cổ phiếu đang lưu hành	:	272.200.000 cổ phiếu (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu)
Địa chỉ trụ sở chính	:	Đường Trần Nguyên Hãn, Phường Thọ Xương, TP. Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam
Số điện thoại	:	(+84-240) 3854538
Số fax	:	(+84-240) 3855018
Website	:	http://damhabac.com.vn/

2. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc (HANICHEMCO) tiền thân là Nhà máy Phân đạm Hà Bắc được khởi công xây dựng từ đầu năm 1960. Qua 57 năm hình thành và phát triển, Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc đã nhiều lần thay đổi về tên gọi, như sau:

- Nhà máy Phân đạm Hà Bắc
- Xí nghiệp Liên hợp Phân đạm và Hoá chất Hà Bắc
- Công ty Phân đạm và Hoá chất Hà Bắc
- Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Phân đạm và Hoá chất Hà Bắc
- Công ty Cổ phần Phân đạm và Hoá chất Hà Bắc

Ngày 30/10/1977 Phó Thủ tướng Đỗ Mười cắt băng khánh thành Nhà máy Phân đạm Hà Bắc, “đứa con đầu lòng” của ngành sản xuất đạm Việt Nam.

Thực hiện Quyết định số 38/2006/QĐ-BCN ngày 20/10/2006 của Bộ Công nghiệp, Công ty đã chuyển hình thức hoạt động từ công ty thành viên hoạch toán độc lập thuộc Tổng Công ty Hóa chất Việt Nam thành Công ty TNHH MTV Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2400120344, đăng ký lần đầu ngày 21/12/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 27/10/2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp, Công ty hiện đang hoạt động dưới hình thức Công ty TNHH MTV. Chủ sở hữu của Công ty là Tập đoàn Hóa chất Việt Nam.

Ngày 01/01/2016, chuyển Công ty TNHH một thành viên Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc thành công ty cổ phần Phân đạm và Hoá chất Hà Bắc.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

➤ Ngành nghề kinh doanh:

*** Ngành, nghề kinh doanh chính**

- Sản xuất, kinh doanh phân đạm Urê; các loại phân bón

- Sản xuất, kinh doanh hóa chất, amôniắc lỏng, Các bon điôxít (lỏng, rắn), các sản phẩm khí công nghiệp

*** Ngành, nghề kinh doanh liên quan đến ngành, nghề kinh doanh chính**

- Sản xuất, kinh doanh điện và hàng cơ khí

- Xây lắp công trình công nghiệp; xây lắp công trình dân dụng; tư vấn hoạt động xây dựng; thiết kế thiết bị, công nghệ công trình hóa chất.

- Kinh doanh xuất, nhập khẩu phân bón, hóa chất và các sản phẩm khí công nghiệp.

*** Ngành, nghề kinh doanh khác**

- Tùy từng thời điểm và tình hình sản xuất, kinh doanh, Công ty có thể bổ sung các ngành, nghề khác mà Pháp luật không cấm sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua

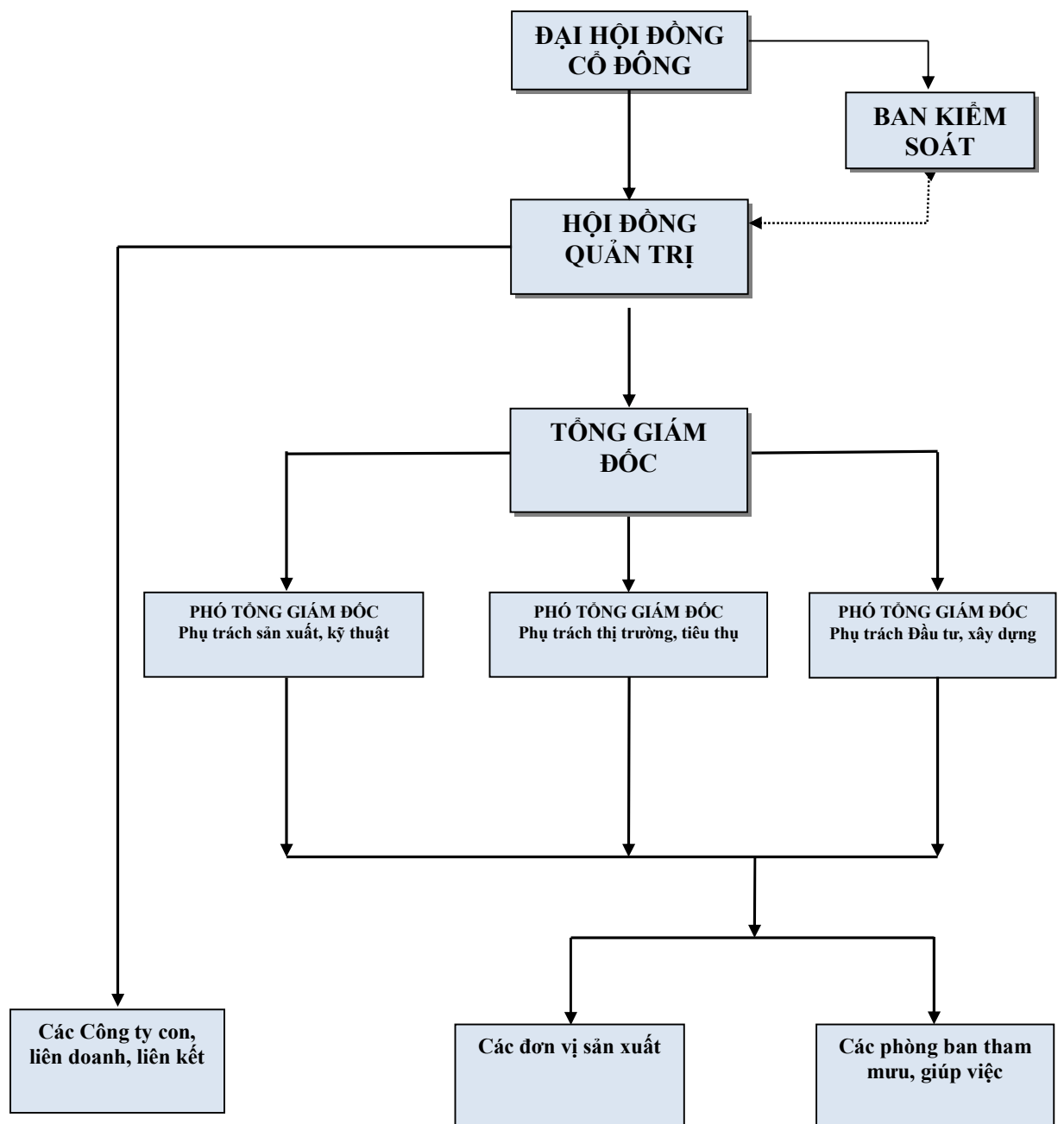
➤ Địa bàn kinh doanh:

Đối với sản phẩm U rê: Các tỉnh đồng bằng Bắc Bộ; các tỉnh trung du và miền núi phía Bắc.

Đối với sản phẩm khí công nghiệp: bán làm nguyên liệu cho CTCP DAP số 2; nhà máy quốc phòng, khai thác mỏ; các công ty con, công ty liên kết.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

◀ Cơ cấu bộ máy quản lý



4.1. Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề được Luật

pháp và Điều lệ Công ty quy định. Đặc biệt, Đại hội đồng cổ đông sẽ thông qua các Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty, ngân sách tài chính cho năm tiếp theo, bầu miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

4.2. Hội đồng quản trị

Là cơ quan quản lý trực tiếp tại Công ty do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Hội đồng quản trị tổ chức thực hiện các quyền và nghĩa vụ mà Đại hội đồng cổ đông giao tại Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật; có quyền nhân danh Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ những vấn đề của Đại hội đồng cổ đông;

4.3. Ban kiểm soát

Do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; thẩm định báo cáo tài chính hàng năm của Công ty; thông báo kết quả kiểm tra hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cho Đại hội đồng cổ đông và thực hiện các nhiệm vụ khác theo Điều lệ Công ty.

4.4. Ban Tổng Giám đốc

Thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua và thực hiện các nhiệm vụ khác theo Điều lệ Công ty.

Các phòng/Ban/Đơn vị chức năng: Công ty cổ phần có các đơn vị phòng ban và các xưởng, tham mưu giúp việc cho Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc Công ty; thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn để phục vụ công tác SXKD của Công ty.

**Danh sách công ty con và công ty liên kết của
Công ty cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc:**

TT	Tên công ty	Giá trị vốn góp (triệu VNĐ)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Ngành nghề kinh doanh chính	Địa chỉ
I Công ty con					
1	CTCP Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc	54.230	64,56%	Sản xuất, kinh doanh H ₂ O ₂ , kinh doanh phân bón phục vụ nông nghiệp, các loại hóa chất, kinh doanh vật tư nông nghiệp.	Phường Thọ Xương, Tp. Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang
II Công ty liên kết					
1	CTCP Xuất nhập khẩu phân bón Bắc Giang	3.420	36%	Sản xuất mua bán phân bón các loại, kinh doanh, XNK các loại phân bón, vật liệu xây dựng, ...	Khu phố 1, đường Trần Nguyên Hãn, Tp. Bắc Giang
2	CTCP Khí hóa lỏng Hà Bắc	8.649,06	36%	Kinh doanh CO ₂ lỏng, CO ₂ rắn	Đường Phạm Liêu, phường Thọ Xương, Tp. Bắc Giang

5. Định hướng phát triển:

5.1 Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

- Duy trì hệ thống sản xuất cao tải, an toàn, ổn định, giảm định mức tiêu hao, hoàn thành Kế hoạch SX-KD năm 2017 được Đại hội đồng Cổ đông thông qua.

- Cải thiện chất lượng sản phẩm, dịch vụ của Công ty, đáp ứng tốt nhu cầu khách hàng.

- Nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ của người lao động.

5.2 Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- Từng bước làm chủ, tháo gỡ khó khăn, khai thác hiệu quả dây chuyền Dự án Cải tạo - mở rộng.

- Đề nghị Chính phủ hỗ trợ các cơ chế: giãn khấu hao, cơ cấu lại các khoản vay, giảm lãi suất vay, giãn thời điểm hạch toán chênh lệch tỷ giá.

- Đề nghị Chính phủ kiến nghị lên Quốc Hội sửa đổi Luật thuế 71.

- Nâng cao hiệu quả SX-KD, giảm lỗ và tiến tới có lãi trong vòng 5 năm tiếp theo, cải thiện chất lượng sản phẩm, mở rộng thị trường tiêu thụ.

5.3 Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty:

Mang lại giá trị thặng dư cao nhất cho Cổ đông, tạo lập cuộc sống ấm no cho Cán bộ nhân viên và góp phần làm tăng tổng giá trị thặng dư cho xã hội.

6. Các rủi ro:

6.1 Rủi ro về giá than: Trong năm 2017 và các năm tiếp theo, giá than thế giới và trong nước vẫn có xu hướng tăng lên làm tăng chi phí sản xuất của Công ty.

6.2 Rủi ro về Giá bán Urê, NH₃: Giá bán Urê, NH₃ thế giới có thể xuống thấp kéo giá bán trong nước xuống dưới chi phí biến đổi dẫn tới việc Công ty buộc phải ngừng sản xuất.

6.3 Rủi ro về chính sách: Tỷ giá có xu hướng tăng trong những năm tới làm tăng chi phí tài chính.

6.4 Rủi ro đứt dòng tiền: Dòng tiền của Công ty có nguy cơ bị thiếu hụt nếu tình hình thị trường gặp nhiều khó khăn và các ngân hàng không cơ cấu lại nợ gốc, lãi vay đầu tư và tiếp tục giải ngân vốn vay ngắn hạn cho sản xuất kinh doanh.

II. Tình hình hoạt động trong năm:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2016		So sánh thực hiện năm 2016 với kế hoạch năm (%)
		Kế hoạch	Thực hiện	
I. Lao động tiền lương				
1. Tổng số lao động	người	1.701	1.621	95,30

2, Tiền lương BQ 1 người/tháng	đ/ng/th	7.000.000	5.078.000	72,54
--------------------------------	---------	-----------	-----------	-------

II. Tổng Doanh thu	triệu đồng	3.251.409	2.153.067	66,22
1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	"	3.251.409	2.116.337	65,09
2. Doanh thu hoạt động tài chính	"		35.076	
3. Thu nhập khác	"		1.654	
III. Tổng chi phí	triệu đồng	3.739.928	3.204.513	85,68
1. Giá vốn hàng bán	"	2.773.703	2.292.074	82,64
2. Chi phí tài chính	"	782.409	742.047	94,84
3. Chi phí bán hàng	"	99.198	43.693	44,05
4. Chi phí quản lý doanh nghiệp	"	84.618	122.236	144,46
5. Chi phí khác	"		4.462	
IV. Lợi nhuận	triệu đồng	(488.160)	(1.051.446)	215,39

Năm 2016, số lỗ tăng cao so với kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Nguyên nhân chủ yếu do SX-KD của công ty gặp bất lợi kép trong cạnh tranh, cùng làm nguyên liệu để sản xuất đạm Urê nhưng giá khí giảm mạnh, các đơn vị sản xuất Urê từ khí được hưởng lợi lớn, giá than không giảm lại cao hơn giá thế giới, gây bất lợi cho các đơn vị sản xuất đạm từ than. Trong khi đó sản phẩm phải cạnh tranh bình đẳng về giá với Urê nhập khẩu và Urê của các nhà máy đạm khí.

2. Tổ chức và nhân sự:

➤ Danh sách Ban điều hành và cán bộ quản lý:

a) Ông Đỗ Doãn Hùng –TV HĐQT, Tổng Giám đốc

Ngày sinh: 09 tháng 3 năm 1959

Dân tộc: Kinh

Số CMT: 120736517

Quê quán: Xã Chương Dương, huyện Thường Tín, TP Hà Nội

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư hoá, Thạc sĩ QTKD

Trình độ lý luận: Cao cấp

Số cổ phần cá nhân nắm giữ: 4300 cổ phần.

Số cổ phần đại diện cho Tập đoàn HCVN: 81.660.000 cổ phần

Tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết: 27,66%

Quá trình công tác:

+ 1977 – 1980: Thực hiện nghĩa vụ quân sự

+ 1980 – 1986: Sinh viên ĐHBK Hà Nội

+ 1986 – 2012: Công tác tại Công ty TNHH một thành viên Phân đạm và hóa chất Hà Bắc với các chức danh Trưởng ca công ty, Phó phòng ĐDSX, Giám đốc xưởng NH₃, Phó Tổng Giám đốc

+ 2012 đến nay là Tổng Giám đốc Công ty TNHH một thành viên Phân đạm và hóa chất Hà Bắc, năm 2016 là Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Phân đạm và hóa chất Hà Bắc (01/01/2016 Công ty hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần).

Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty: + Tổng Giám đốc
+ Thành viên HĐQT

Chức vụ tại tổ chức khác: + Không

Hành vi vi phạm pháp luật: + Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: + Không

b) Ông Nguyễn Đức Ninh –TVHĐQT, Phó Tổng Giám đốc

+ Ngày sinh: 02 tháng 10 năm 1963

+ Số CMT: 121464879

+ Dân tộc: Kinh

+ Quê quán: Thái Đào – Lạng Giang – Bắc Giang

+ Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế, Thạc sĩ QTKD

+ Trình độ lý luận chính trị: Cao cấp

+ Trình độ ngoại ngữ: Tiếng Anh C

+ Số cổ phần cá nhân nắm giữ: 4800 cổ phần

+ Số cổ phần đại diện cho Tập đoàn HCVN: 54.440.000 cổ phần

+ Tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết: 20%

Quá trình công tác:

+ 1981 – 1985: Công tác tại BCH quân sự tỉnh Hà Bắc

+ 1985 – 1986: Nhân viên Công ty công nghệ phẩm Hà Bắc

+ 1986 - 1990: Sinh viên đại học KTQD Hà Nội

+ 1990 – 2012: Công tác tại Công ty TNHH một thành viên Phân đạm và hóa chất Hà Bắc với các chức danh nhân viên Thị trường, Phó phòng Thị trường, Trưởng phòng Thị trường

+ 2012 đến nay là Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH một thành viên Phân đạm và hóa chất Hà Bắc, năm 2016 là Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Phân đạm và hóa chất Hà Bắc (01/01/2016 Công ty hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần).

Chức vụ công tác hiện nay + Phó Tổng Giám đốc

tại Công ty: + Thành viên HĐQT

Chức vụ tại tổ chức khác: + Chủ tịch HĐQT CTCP Khí Hóa lỏng Hà Bắc

Hành vi vi phạm pháp luật: + Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: + Không

b) Ông Nguyễn Văn Dũng –Phó Tổng Giám đốc

+ Số CMT: 121007279

+ Dân tộc: Kinh

+ Quê quán: Quê Võ, Bắc Ninh

+ Trình độ chuyên môn: Kỹ sư hóa

+ Trình độ lý luận chính trị: Cao cấp

- + Trình độ ngoại ngữ: Tiếng Anh B2
- + Số cổ phần cá nhân nắm giữ: 4600 cổ phần
- + Tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết: 0,0017%

Quá trình công tác:

+ 1990 – 2012: Công tác tại Công ty TNHH một thành viên Phân đạm và hóa chất Hà Bắc với các chức danh Trưởng ca xưởng, Phó giám đốc xưởng

+ 2012 đến nay là Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH một thành viên Phân đạm và hóa chất Hà Bắc, năm 2016 là Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Phân đạm và hóa chất Hà Bắc (01/01/2016 Công ty hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần).

Chức vụ công tác hiện nay + Phó Tổng Giám đốc
tại Công ty:

Chức vụ tại tổ chức khác: + Chủ tịch HĐQT XNK phân bón Bắc Giang

Hành vi vi phạm pháp luật: + Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: + Không

c) Ông Phạm Văn Trung – Phó Tổng Giám đốc

- + Số CMT: 121464879
- + Dân tộc: Kinh
- + Quê quán: Niêm Xá Bắc Ninh,
- + Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ kinh tế
- + Trình độ lý luận chính trị: Cao cấp
- + Trình độ ngoại ngữ: Tiếng Anh B2
- + Số cổ phần cá nhân nắm giữ: 4300 cổ phần
- + Tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết: 0,0015%

Quá trình công tác:

+ 1990 – 2013: Công tác tại Công ty TNHH một thành viên Phân đạm và hóa chất Hà Bắc với các chức danh Tổ trưởng tổ thẩm định dự án, Phó chánh văn phòng, Chánh văn phòng Công ty.

+ 2013 đến nay là Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH một thành viên Phân đạm và hóa chất Hà Bắc, năm 2016 là Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Phân đạm và hóa chất Hà Bắc (01/01/2016 Công ty hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần).

Chức vụ công tác hiện nay + Phó Tổng Giám đốc
tại Công ty:

Chức vụ tại tổ chức khác: + Chủ tịch HĐQT CTCP Hưng phát Hà Bắc

Hành vi vi phạm pháp luật: + Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: + Không

◀ **Những thay đổi trong Ban điều hành:** Không có

◀ **Số lượng cán bộ, nhân viên:**

- Lao động 1/1/2016: 1691 người

- Lao động 31/12/2016: 1427 người

- Tóm tắt chính sách đối với người lao động:

+ Lao động của Công ty phần lớn được đào tạo các trường Đại học, cao đẳng, trung cấp, công nhân kỹ thuật chuyên môn về hóa (phù hợp với chuyên ngành sản xuất phân bón vô cơ). Đến nay, lao động của Công ty về cơ bản đã tinh gọn được bộ máy quản lý, SX phù hợp với tình hình thực tế của Công ty.

+ Năm 2016, số lao động bình quân Công ty là 1.621 người, tiền lương bình quân là 5,078 triệu đồng/người/tháng.

+ 100% người lao động được đóng BHXH, được ăn 01 bữa cơm giữa giờ, bồi dưỡng độc hại bằng hiện vật trong ca sản xuất không phải đóng tiền, được cấp bảo hộ lao động và phương tiện bảo vệ cá nhân theo cương vị làm việc.

+ Công ty có phòng Y tế gồm 10 người, luôn thường trực 24/24h.

+ Hàng năm tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho CBCNV tần suất 1 lần/năm, riêng với người lao động trực tiếp sản xuất thì tần suất khám sức khỏe là 2 lần/năm.

+ Công ty thực hiện chi trợ cấp khó khăn, đột xuất, chi tiền trợ giúp cho người lao động nhằm hỗ trợ CBCNV khi ốm đau, tai nạn, khi về hưu hoặc khi gia đình gặp khó khăn, hoạn nạn nhằm góp phần động viên CBCNV vượt qua khó khăn.

+ Năm 2016, mặc dù có khó khăn song Công ty vẫn duy trì tổ chức tốt các hoạt động văn hoá, thể thao nhằm mục tiêu chăm lo sức khỏe, nâng cao đời sống tinh thần cho CBCNV.

3.1 Các khoản đầu tư lớn:

a) Các khoản đầu tư lớn thực hiện trong năm: Thực hiện kế hoạch ĐTXD đạt giá trị 22.781,9 triệu đồng, đạt 100,1% kế hoạch năm điều chỉnh, bằng 7,1% so với cùng kỳ năm trước.

Trong đó: Chi phí xây dựng: 4.042,6 triệu đồng

Chi phí thiết bị: 10.782,0 triệu đồng

Chi phí khác: 7.957,3 triệu đồng.

- Nguồn vốn thực hiện: Vốn chủ sở hữu.

b) Tình hình thực hiện các dự án:

* Dự án cải tạo - mở rộng nhà máy Phân đạm Hà Bắc: Tập trung lập báo cáo quyết toán dự án hoàn thành và giải quyết những tồn tại của dự án.

* Dự án xây dựng khu tái định cư:

- Công tác giải phóng mặt bằng:

+ Đến hết tháng 11/2016, đã có 364 lô tái định cư nộp tiền sử dụng đất theo thông báo của UBND Thành phố Bắc Giang ứng với tổng số tiền là 65,446 tỷ đồng.

+ Khu đất dịch vụ công cộng (CC1): Phối hợp cơ quan quản lý xem xét hướng giải quyết kiến nghị của dân.

+ UBND Thành phố Bắc Giang đang tổ chức đấu giá 60 lô đất, đã thu tiền của 57 lô đất đấu giá thành công.

- Công tác thực hiện các gói thầu:

+ Đối với gói thầu số 1 "“Thi công xây dựng hạ tầng kỹ thuật” :

Tiếp tục làm việc với Công ty cổ phần xây lắp cơ giới và đầu tư thương mại Constrexim (là một trong 2 thành viên của nhà thầu liên danh) về xác định giá trị đã thực hiện và công nợ.

Giao Công ty TNHH Ngọc Thơ thi công mặt đường bê tông tuyến N15 - N16 và N17- N18 theo thiết kế điều chỉnh và tuyến rãnh thoát nước phát sinh theo tuyến đường này.

Đang thống nhất với nhà thầu Liên danh Constrexim Meco - Ngọc Thơ về nội dung Phụ lục hợp đồng gói 1 “Thi công xây dựng hạ tầng kỹ thuật” đối với các công việc phát sinh, để triển khai ký kết.

- + Thi công xong các hạng mục hệ thống điện của dự án.
- + Gói thầu số 8 "Kiểm toán quyết toán vốn đầu tư": Tiến hành thủ tục lựa chọn và ký hợp đồng với đơn vị thực hiện. Đơn vị này đã kiểm toán đợt 1.
- + Gói thầu số 11 "Thi công xây dựng tường vây ngăn giữa Dự án và Nghĩa trang Đồng Rừng": Ký hợp đồng với Nhà thầu và phối hợp với Nhà thầu triển khai thực hiện xong.
- + Ngày 09/3/2016, UBND tỉnh Bắc Giang chấp thuận cơ chế tài chính để quyết toán dự án theo đề nghị của Công ty tại văn bản số 527/UBND-KT.
 - Giải ngân với giá trị là 1.099,7 triệu đồng.
 - * Dự án xây dựng hệ thống thông tin quản trị doanh nghiệp tổng thể: Tiến hành các thủ tục để triển khai tiếp dự án như: Điều chỉnh dự án, điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu; Bổ sung thiết bị và điều chỉnh cơ cấu tổng mức đầu tư dự án; Bổ sung kế hoạch lựa chọn nhà thầu; lựa chọn nhà thầu cung cấp triển khai phần mềm ứng dụng còn lại của dự án. Dự án nghiệm thu đưa vào sử dụng tháng 12/2016.
 - * Dự án đầu tư Hệ thống đường ống xử lý khí thải xưởng Amôniac 2: Đây là dự án chuyển tiếp từ năm 2015 sang, quý I/2016 các gói thầu đã được hoàn thành nghiệm thu đưa vào sử dụng góp phần giảm thiểu ô nhiễm môi trường.
 - * Dự án đầu tư Cân silô than cám 4A: Hoàn thành nghiệm thu đưa vào sử dụng phục vụ kịp thời yêu cầu sản xuất.
 - * Dự án đầu tư xe ô tô tải tự đổ; Dự án đầu tư xe xúc một gầu, bánh lốp: Sau khi đề nghị và Tập đoàn Hóa chất Việt Nam đồng ý cho chuyển bước sang thực hiện đầu tư. Công ty đã tổ chức lựa chọn nhà thầu, ký hợp đồng và nhà thầu trúng thầu đã cung cấp. Dự án hoàn thành đưa vào sử dụng đáp ứng nhu cầu sản xuất.
 - * Dự án đầu tư Nhánh đường sắt để quay đầu máy: Ký phụ lục bổ sung công việc khảo sát xây dựng, Nhà thầu tư vấn khảo sát và lập Báo cáo Kinh tế kỹ thuật xong. Do tính chất và tình hình thực tế của Công ty việc đầu tư vào thời điểm này chưa hợp lý nên Hội đồng quản trị Công ty cho tạm dừng dự án.
 - * Dự án đầu tư máy đo nồng độ o xy: Chuyển bước đầu tư và tổ chức lựa chọn nhà thầu. Ký hợp đồng với nhà thầu trúng thầu. Dự án hoàn thành phục vụ sản xuất kịp thời.

* Dự án đầu tư bãi đỗ xe ô tô tập trung: Điều chỉnh dự án; Thực hiện xong giai đoạn 1 của dự án từ công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, Thi công xây dựng xong các hạng mục đường và sân bê tông, nhà bảo vệ, cổng, tường vây phục vụ công tác xuất bán sản phẩm.

* Dự án đầu tư trạm quan trắc tự động, liên tục khí thải: Lập, thẩm định báo cáo kinh tế kỹ thuật. Sau khi Tập đoàn cho chuyển bước từ chuẩn bị đầu tư sang thực hiện đầu tư đã phê duyệt dự án, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu. triển khai thực hiện thi công xây dựng phòng để lắp thiết bị của trạm quan trắc khí thải, hiện đang lắp đặt thiết bị, dự kiến trong năm 2016 hoàn thành

* Dự án đầu tư tuyến đường dây 35kV: Thẩm định Hồ sơ khảo sát, thiết kế, báo cáo KTKT do nhà thầu tư vấn lập, báo cáo và Tập đoàn Hóa chất Việt Nam cho chuyển bước từ chuẩn bị sang thực hiện đầu tư.

* Các dự án chậm tiến độ:

- Dự án cải tạo mở rộng nhà máy Phân đạm Hà Bắc - Dự án nhóm A: Chậm tiến độ do công tác bồi thường giải phóng mặt bằng và sự kiện biển Đông năm 2014. Giá trị giải ngân 2016: 883.551 triệu đồng từ nguồn vay Ngân hàng Phát triển 836.329 triệu đồng còn lại từ nguồn vốn chủ sở hữu.

- Dự án đầu tư xây dựng khu tái định cư cho dự án cải tạo mở rộng nhà máy - Dự án nhóm B: Chậm tiến độ do vướng mắc trong công tác bồi thường giải phóng mặt bằng. Trong năm giải ngân 1.109,7 triệu đồng từ nguồn vốn chủ sở hữu.

* Đánh giá chung:

- Các dự án đầu tư triển khai thực hiện đảm bảo theo quy định của Nhà nước về công tác quản lý đầu tư - xây dựng, thực hiện theo Luật đấu thầu; Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu; Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

- Công tác giám sát, đánh giá các dự án đầu tư, công tác báo cáo đầu tư - xây dựng được duy trì thường xuyên.

- Trong năm 2016 thực hiện 09 gói thầu của các dự án các hình thức đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế, chào hàng cạnh tranh và chỉ định thầu theo quy định Luật Đấu thầu, tiết kiệm 2.011,3 triệu đồng so với giá trị dự toán được phê duyệt.

- Do tình hình tài chính của Công ty đang gặp nhiều khó khăn nên thiếu vốn để giải ngân cho các gói thầu lẻ trong dự án đã thực hiện xong.

3.2 Các công ty con, công ty liên kết:

◀ Công ty con: Công ty cổ phần hóa chất Hưng Phát

Trụ sở chính: Phường Thọ Xương, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

Vốn điều lệ: 84.000.000.000 đồng

Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất và buôn bán hóa chất H₂O₂.

* Tình hình tài chính:

DVT: triệu đồng

Nội dung	DVT	Số đầu năm	Số cuối năm
Tổng tài sản		183.643	176.688
A. Tài sản ngắn hạn		12.010	17.482
B. Tài sản dài hạn		171.633	159.206
Tổng nguồn vốn		183.643	176.688
A. Nợ phải trả		108.966	97.251
B. Vốn chủ sở hữu		74.677	79.437
Trong đó: Vốn góp của CSH		84.000	84.000
LNST chưa phân phối		-14.824	-10.064

* Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	% tăng giảm
DTT	58.781	53.933	-8,2
Lợi nhuận từ HĐKD	-9.655	3.458	-135,82
Lợi nhuận khác	229	641	179,91
Lợi nhuận trước thuế	-9.426	4.100	-143,5
LNST	-9.426	4.100	-143,5

*** Công ty liên kết:**

- Công ty cổ phần Khí hóa lỏng:

Trụ sở chính: Đường Phạm Liêu, Phường Thọ Xương, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

Vốn điều lệ: 24.025.190.000 đồng (Hai mươi bốn tỷ, không trăm hai mươi lăm triệu, một trăm chín mươi nghìn đồng chẵn).

Ngành nghề kinh doanh: sản xuất các sản phẩm khí công nghiệp; Cac bon điôxits (lỏng, rắn). Mua bán các sản phẩm khí công nghiệp; vận tải hàng hóa bằng đường bộ; sang chiết và đóng bình các loại khí công nghiệp dạng lỏng và dạng khí: Oxy, CO₂, Argon, Nitơ...; kinh doanh, XNK các loại khí công nghiệp khác.

+ Tình hình tài chính:

ĐVT: triệu đồng

Nội dung	ĐVT	Số đầu năm	Số cuối năm
Tổng tài sản		37.215	38.112
C. Tài sản ngắn hạn		28.306	27.915
D. Tài sản dài hạn		8.908	10.197
Tổng nguồn vốn		37.215	38.112
C. Nợ phải trả		5.834	3.346
D. Vốn chủ sở hữu		31.380	34.766
Trong đó: Vốn góp của CSH		24.025	24.025
LNST chưa phân phối		7.355	8.534

+ Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	% tăng giảm
DTT	53.555	37.993	-29,06
Lợi nhuận từ HĐKD	9.530	9.942	4,32
Lợi nhuận khác	-100	-0,42	-99,58
Lợi nhuận trước thuế	9.429	9.942	5,44
LNST	7.355	7.925	7,75

- Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Phân bón Bắc Giang:

Trụ sở chính: Khu phố 1, đường Trần Nguyên Hãn, Phường Thọ Xương, Thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

Vốn điều lệ: 9.500.000.000 đồng (Chín tỷ năm trăm triệu đồng).

Ngành nghề kinh doanh: sản xuất, mua bán phân bón các loại; kinh doanh XNK phân bón, vật liệu xây dựng; sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng, bao bì; kinh doanh vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường sông.

+ Tình hình tài chính:

ĐVT: triệu đồng

Nội dung	ĐVT	Số đầu năm	Số cuối năm
Tổng tài sản		56.135	35.052
E. Tài sản ngắn hạn		55.318	34.570
F. Tài sản dài hạn		817	481
Tổng nguồn vốn		56.135	35.052
E. Nợ phải trả		38.973	23.271
F. Vốn chủ sở hữu		17.162	11.781
Trong đó: Vốn góp của CSH		9.500	9.500
LNST chưa phân phối		3.855	2.178

+ Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	% tăng giảm
DTT	155.376	265.221	70,7
Lợi nhuận từ HĐKD	4.997	2.780	-44,37
Lợi nhuận khác	-42	-15	-64,29
Lợi nhuận trước thuế	4.955	2.765	-44,2
LNST	3.855	2.178	-43,5

4. Tình hình tài chính:

4.1. Tình hình tài chính

◀ Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty mẹ giai đoạn 2015 - 2016

Đơn vị: triệu đồng

ST T	Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	% tăng giảm năm 2016 so với 2015
1	Tổng tài sản (cuối kỳ)	10.048.211	9.777.135	-2.70%
2	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.969.700	2.116.336	7.44%
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	-700.312	-1.048.638	-
4	Lợi nhuận khác	41.612	-2.808	-106.75%
5	Lợi nhuận trước thuế	-658.700	-1.051.446	-
6	Lợi nhuận sau thuế	-669.734	-1.051.446	-
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0%	0%	

Nguồn: BCTC kiểm toán riêng năm 2016 của HANICHEMCO

◀ Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất giai đoạn 2015 – 2016

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	% tăng giảm năm 2016 so với 2015
1	Tổng tài sản (cuối kỳ)	10.184.075	9.909.184	-2,7%
2	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.010.266	2.157.077	7,3%
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	-710.572	-1.038.589	-
4	Lợi nhuận khác	41.833	-2.173	-105,2%
5	Lợi nhuận trước thuế	-688.739	-1.040.763	-
6	Lợi nhuận sau thuế	-679.773	-1.040.763	-
	<i>Trong đó:</i>			
	<i>LNST của công ty mẹ</i>	-676.432	-1.042.216	-
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0%	0%	

Nguồn: BCTC kiểm toán HN năm 2016 của HANICHEMCO

4.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm	
			2015	2016
1.	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
	- Hệ số thanh toán ngắn hạn (tại thời điểm 31/12) (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	Lần	0,49	0,41
	- Hệ số thanh toán nhanh (tại thời điểm 31/12) [(Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn]	Lần	0,24	0,13
2.	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
	- Hệ số Nợ/Tổng tài sản (tại thời điểm 31/12)	%	79,54	89,51
	- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu (tại thời điểm 31/12)	%	388,65	853,1
3.	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
	- Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	Vòng	4,19	5,51
	- Vòng quay Tổng tài sản (Doanh thu thuần/Tổng tài sản)	Vòng	0,20	0,21
4.	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
	- Hệ số LN sau thuế/Doanh thu thuần	%	-33,82	-48,25
	- Hệ số LN sau thuế/Vốn CSH	%	-32,62	-66,63
	- Hệ số LN sau thuế/Tổng tài sản	%	-6,67	-10,36
	- Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh / DTT	%	-35,35	-48,15

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

a) Cổ phần:

- Tổng số cổ phần: 272.200.000 cổ phần
- Loại cổ phần: Cổ phiếu phổ thông
- Cổ phần chuyển nhượng tự do: 271.984.400
- Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 215.600

b) Cơ cấu cổ đông:

➤ Cơ cấu cổ đông của Công ty (tại thời điểm ngày 14/02/2017):

Danh Mục	Số lượng Cổ đông	Số lượng cổ phần	Giá trị (nghìn đ)	Tỷ lệ (%)
I. Cổ đông trong nước	1275	272.200.000	2.722.000.000.000	100%
1. Cổ đông nhà nước	2	265.991.000	2.659.910.000.000	97,72
2. Cổ đông tổ chức không phải nhà nước	16	3.150.000	31.500.000.000	1,15
3. Cổ đông cá nhân	1257	3.059.000	30.590.000.000	1,13
II. Cổ đông nước ngoài	0	0	0	0

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Trong năm không tăng hoặc giảm vốn cổ phần.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

e) Các chứng khoán khác: Không có

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm 2016

STT	Hạng mục nguyên vật liệu	Đơn vị tính	Lượng sử dụng năm 2016	Ghi chú
1	Than cám 4B	tấn	22 636,01	
2	Than cám 5A	tấn	385 007,739	
3	Than cám 4A	tấn	310 694,74	
4	Dầu đốt lò	kg	32 492	
5	Nước tuần hoàn	m ³	336 087 803	
6	Bao bì Urê 50 kg (Urê trắng)	bộ	5 388 671	
7	Bao bì Urê 25 kg (Urê cao cấp)	bộ	173 104	

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức:

STT	Hạng mục nguyên vật liệu	Đơn vị tính	Lượng sử dụng năm 2016	Tỷ lệ
1	Tro lò hơi	tấn	5 589,211	1,413%
2	Bã chua lò Shell	tấn	4 873,600	1,232%
3	Dầu thu hồi	kg	32 083	0,142%

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp

Tổng lượng điện sử dụng năm 2016 là: 230.173.662 kWh.

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả:

Tổng tiền tiết kiệm do thực hiện định mức tiêu hao năm 2016 là: 111,49 tỷ đồng, trong đó tiết kiệm điện là: 44,977 tỷ đồng.

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này

Hàng năm công ty đều triển khai các giải pháp tiết kiệm năng lượng, như lắp biến tần, vận hành động cơ ở chế độ tối ưu để giảm tiêu thụ điện năng, triển khai các đề tài khoa học kỹ thuật để giảm định mức tiêu hao, hạ giá thành sản phẩm,

nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Năm 2016 triển khai 2 giải pháp sau:

Giải pháp 1: Nâng cấp đường điện lưới 35KV cấp điện cho Công ty. Nhằm mục đích: Giảm tiêu hao điện năng trong quá trình truyền tải, điều chỉnh phương thức lò hơi phù hợp.

Giải pháp 2: Tiếp tục thực hiện đề tài trộn tro lò hơi và bã chua lò Shell vào than cám 5A cấp cho xưởng nhiệt, nhằm giảm định mức tiêu hao than cám 5A, tận dụng lại toàn bộ lượng tro của các lò hơi cũ thải ra và lượng bã chua lò Shell thải ra ngoài môi trường.

6.3. Tiêu thụ nước:

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng

Lượng nước công ty sử dụng chủ yếu là nước tuần hoàn (được tuần hoàn liên tục trong quá trình sản xuất), một lượng nước tuần bị bay hơi được bổ sung thêm bằng nguồn nước bên ngoài.

Nguồn cung cấp nước đầu vào là nước sông Thương, với lượng sử dụng năm 2016 là: 23.936.666 m³.

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng là: 93,35%

6.4. Tuân thủ pháp luật và bảo vệ môi trường:

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không.

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động.

Năm 2016, số lao động bình quân Công ty là 1.621 người, tiền lương bình quân là 5,078 triệu đồng/người/tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

- 100% người lao động được đóng BHXH, được ăn 01 bữa cơm giữa giờ, bồi dưỡng độc hại bằng hiện vật trong ca sản xuất không phải đóng tiền, được cấp bảo hộ lao động và phương tiện bảo vệ cá nhân theo cương vị làm việc.

- Công ty có phòng Y tế gồm 10 người, luôn thường trực 24/24h.
- Hàng năm tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho CBCNV tần suất 1 lần/năm, riêng với người lao động trực tiếp sản xuất thì tần suất khám sức khỏe là 2 lần/năm.
- Công ty thực hiện chi trợ cấp khó khăn, đột xuất, chi tiền trợ giúp cho người lao động nhằm hỗ trợ CBCNV khi ốm đau, tai nạn, khi về hưu hoặc khi gia đình gặp khó khăn, hoạn nạn nhằm góp phần động viên CBCNV vượt qua khó khăn.
- Năm 2016, mặc dù có khó khăn song Công ty vẫn duy trì tổ chức tốt các hoạt động văn hoá, thể thao nhằm mục tiêu chăm lo sức khỏe, nâng cao đời sống tinh thần cho CBCNV.

c) Hoạt động đào tạo người lao động.

* Số giờ đào tạo bình quân

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm tính theo tổng số lao động: 326 giờ/người/năm

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm tính theo số lao động gián tiếp: 99 giờ/người/năm

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm tính theo số lao động làm CNKT: 398 giờ/người/năm

*. Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp:

Là công ty sản xuất phân đạm trên dây chuyền hiện đại nên việc đào tạo người lao động thường xuyên là vấn đề mấu chốt đảm bảo cho quá trình sản xuất được ổn định, lâu dài. Để đáp ứng được yêu cầu đó, hàng năm công ty lập kế hoạch đào tạo bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho từng đối tượng lao động, cụ thể như các chương trình sau:

- Bố trí thợ bậc cao kèm cặp thợ bậc thấp để họ được nâng cao tay nghề, đáp ứng đủ tiêu chuẩn từng cấp bậc để được tăng lương;

- Đào tạo một người có thể vận hành được nhiều cương vị, vị trí khác nhau trong dây chuyền với mục đích giúp người lao động nâng cao hiểu biết về chuyên môn, làm chủ được dây chuyền sản xuất cũng như đảm bảo cho người lao động có việc làm.

- Gửi người lao động đến các trung tâm đào tạo được phép hoặc mời giảng viên tại các Viện, trường đại học có uy tín về công ty giảng dạy để người lao động học hỏi, trao đổi, nâng cao nghiệp vụ kiến thức cũng như chuyên môn để đáp ứng được điều kiện để tăng lương;

- Tạo điều kiện cho những người có năng lực để đào tạo chuyên sâu, tạo điều kiện cho họ phát huy khả năng để phát triển sự nghiệp.

6.6 Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty:

Tích cực tham gia các phong trào hỗ trợ phát triển cộng đồng trên các mặt kinh tế, xã hội kể cả việc hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng như: tham gia các cuộc vận động, các phong trào tương thân , tương ái, ủng hộ người nghèo, đồng bào lũ lụt, thăm hỏi Mẹ Việt Nam anh hùng, mẹ liệt sĩ, giữ gìn trật tự trị an, an toàn xã hội trên địa bàn của công ty.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban giám đốc:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Xem phụ lục 2: Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016

(Phần I. Kết quả thực hiện)

2. Tình hình tài chính:

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	01/01/2016	31/12/2016	Tăng/giảm	Tỷ lệ (%)
Tài sản	10.184.075	9.909.184	-274.891	-36,86%
- Tài sản ngắn hạn	892.417	557.693	-334.724	-37,51%
- Tài sản dài hạn	9.291.658	9.351.491	59.833	0,64%
Nguồn vốn	10.184.075	9.909.184	-274.891	-40,61%
- Nợ phải trả	8.099.937	8.869.505	769.568	9,50%
- Vốn chủ sở hữu	2.084.138	1.039.679	-1.044.459	-50,11%

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

Công ty tổ chức sản xuất theo 3 ca, 4 kíp, biên chế lao động vào các cương vị sản xuất và duy trì sản xuất ổn định trong năm qua. Để có nhân lực điều khuyết khi có người nghỉ phép, nghỉ chế độ, Công ty triển khai công tác đào tạo để một người có thể đảm nhận được một số cương vị trong dây chuyền để thay thế nhau.

Duy trì kiểm tra kỷ luật lao động với việc chấp hành nội quy, quy định của Công ty, kết hợp với việc tuyên truyền vận động CNVC tự giác chấp hành.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

Xem phụ lục 2: Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016

(Phần II. Mục tiêu, nhiệm vụ năm 2017 và các giải pháp thực hiện)

5. Giải trình của Ban giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Không có

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty:

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

Xem phụ lục 1: Báo cáo của Hội đồng quản trị về hoạt động năm 2016 và định hướng năm 2017

(Phần I. Báo cáo hoạt động năm 2016)

2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty:

Ban điều hành công ty đã triển khai thực hiện nghiêm chỉnh Nghị quyết của ĐHĐCĐ, Nghị quyết của HĐQT cũng như các Quy chế quản lý nội bộ của công ty.

Qua quá trình giám sát HĐQT đánh giá Ban điều hành đã thực hiện nhiệm vụ của mình một cách cẩn trọng đáp ứng được yêu cầu thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

Tuy nhiên, công ty vẫn còn tồn tại, hạn chế cần khắc phục, HĐQT đã chỉ đạo Ban điều hành hợp kiểm điểm trách nhiệm đến từng cá nhân liên quan đến tồn tại, khuyết điểm trong điều hành sản xuất kinh doanh.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

Xem phụ lục 1: Báo cáo của Hội đồng quản trị về hoạt động năm 2016 và định hướng năm 2017

(Phần II. Định hướng hoạt động 2017)

V. Quản trị Công ty:

1. Hội đồng quản trị:

1.1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

STT	Tên tổ chức/ cá nhân	Chức vụ tại Công ty (nếu có)	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của cá nhân cuối kỳ	Chức danh thành viên HĐQT Công ty khác
1	Ông Phan Văn Tiền	Chủ tịch HĐQT	0,0014%	
2	Ông Đỗ Doãn Hùng	TV HĐQT – Tổng Giám đốc	0,0016%	
3	Ông Nguyễn Đức Ninh	TV HĐQT – Phó Tổng Giám đốc	0,0021%	Chủ tịch HĐQT CTCP Khí Hóa lỏng Hà Bắc
4	Ông Nguyễn Văn Đông	TV HĐQT	0,00036%	
5	Ông Nguyễn Phùng Hưng	TV HĐQT – Trưởng phòng TCNS	0,0016%	

Ghi chú:

- Các thành viên 1 đến 4: Đại diện sở hữu cho cổ đông lớn là Tập đoàn Hóa chất Việt Nam.

- Thành viên mục 5: Là thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

1.2. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: HĐQT không thành lập các tiểu ban chuyên môn của HĐQT mà phân công các thành viên phụ trách các mảng công việc.

Ông Phan Văn Tiền: chỉ đạo thực hiện các quyền, nghĩa vụ của HĐQT. Thông qua, theo dõi, đôn đốc các Nghị quyết HĐQT và các công việc được giao.

Ông Đỗ Doãn Hùng: Là người đại diện theo pháp luật, tổ chức điều hành SXKD của Công ty. Phụ trách công tác đầu tư, xây dựng, sửa chữa kiến trúc. Quản lý vốn, công tác nhân sự của Công ty và các công việc được giao.

Ông Nguyễn Đức Ninh: Phụ trách công tác tiêu thụ sản phẩm, lĩnh vực thị

trường, quảng bá thương hiệu sản phẩm của Công ty, văn hóa xã hội và các công việc được giao.

Ông Nguyễn Phùng Hưng: Phụ trách công tác định mức lao động, đơn giá tiền lương, chính sách với người lao động và các công việc được giao.

Ông Nguyễn Văn Đông: Kiểm tra, giám sát việc thực hiện các Nghị quyết và Quyết định và các công việc được giao

Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2016 Hội đồng quản trị (HĐQT) đã tổ chức 9 cuộc họp đề ra các chủ trương, giải pháp chỉ đạo giải quyết các vấn đề liên quan đến xây dựng chiến lược phát triển và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty.

Ngoài việc tổ chức các cuộc họp nêu trên, HĐQT còn thông qua các quyết định theo phương thức lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản để chỉ đạo, giải quyết hơn 40 vấn đề có liên quan đến các định hướng lớn về quản trị doanh nghiệp và các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT, đồng thời chỉ đạo, giám sát hoạt động của Ban điều hành trong việc thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) và HĐQT.

Hội đồng quản trị đã ban hành 148 Nghị quyết, Quyết định, Thông báo và văn bản liên quan đến xây dựng chương trình hoạt động, phân công công tác, công tác nhân sự, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT trước khi ban hành đều được thông qua ký kiến của từng thành viên Hội đồng quản trị, thể hiện tính pháp lý của HĐQT là cơ quan thay mặt cổ đông để quản lý, thực hiện các quyền và nghĩa vụ đúng với Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Công tác giám sát đã tập trung vào các lĩnh vực trọng tâm của Công ty như công tác nhân sự, công tác đầu tư xây dựng, công tác tài chính, công tác tiêu thụ, công tác sản xuất... HĐQT đã phân công từng thành viên phụ trách từng lĩnh vực trong phạm vi chức năng, chịu trách nhiệm theo dõi, giám sát và hỗ trợ Ban điều hành. Các thành viên HĐQT đã nỗ lực hoàn thành chức trách, nhiệm vụ của mình một cách cẩn trọng, trung thực vì lợi ích của cổ đông. Với thuận lợi tất cả các thành viên HĐQT đều am hiểu sâu về lĩnh vực hoạt động SXKD, các thành viên HĐQT có nhiều buổi thảo luận, họp HĐQT mở rộng và kịp thời đưa ra các chỉ đạo quản trị phù hợp với nhu cầu hoạt động của Công ty cũng như các biến động của tình hình kinh tế.

Các cuộc họp của HĐQT đều được tổ chức theo đúng quy định, chu đáo, đảm bảo số lượng các thành viên tham gia, các nội dung biểu quyết đều đạt tỷ lệ đồng thuận cao, các vấn đề lấy ý kiến bằng văn bản được thực hiện đúng trình tự trên cơ sở tạo mọi điều kiện cho Ban điều hành hoạt động hiệu quả.

Trong năm 2016 công tác quản trị doanh nghiệp rất được chú trọng, HĐQT đã ban

hành 24 Quy chế quản lý nội bộ. Kết quả cho thấy các quy chế đã phát huy tác dụng rõ rệt đảm bảo tính công khai, minh bạch trong các hoạt động SXKD của Công ty.

1.2. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập, không điều hành:

Trong các phiên họp HĐQT hay tại các văn bản xin ý kiến thành viên HĐQT thì thành viên HĐQT độc lập đều thể hiện ý kiến riêng, tham gia, góp ý vào các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT tạo điều kiện thuận lợi cho SXKD của Công ty.

1.4. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: giống mục 1.2

1.5. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm: Các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc, các cán bộ quản lý khác chưa tham gia khóa đào tạo về quản trị Công ty trong năm 2016 tại cơ sở đào tạo do UBCK quy định theo quy định về quản trị công ty.

2. Ban kiểm soát:

2.1. Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát:

TT	Họ và tên	Số CP cá nhân nắm giữ	Số CP cá nhân đại diện	Tổng cộng	Tỷ lệ (%)
1	Hà Xuân Hán Trưởng ban kiểm soát	4.900	0	4.900	0,0018
2	Nguyễn Thị Thùy Dương Thành viên Ban kiểm soát	0	0	0	0
3	Lê Anh Tuấn Thành viên Ban kiểm soát	3.000	0	3.000	0,0011
	Tổng cộng	7.900	0	7.900	0.0029

2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Xem phụ lục 4: Báo cáo của Ban kiểm soát

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát.

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích năm 2016:

Đơn vị: triệu đồng

TT	Họ và tên	Chức vụ	Tiền lương	Thù lao	Tiền thưởng	Tổng cộng
1. Hội đồng quản trị						
1	Phan Văn Tiền	CT. HĐQT		4		4
2	Đỗ Doãn Hùng	TV.HĐQT - TGD Cty	24.38	3.0		27.38
3	Nguyễn Đức Ninh	TV.HĐQT - P. TGD Cty	21.57	6.87		28.44
4	Nguyễn Văn Đông	TV.HĐQT - Phó Chánh VP TĐHCVN		3.0		3.0
5	Nguyễn Phùng Hưng	TV.HĐQT - TP. TCNS		3.0		3.0
2. Ban Giám đốc						
1	Nguyễn Văn Dũng	Phó TGD Cty	21.57	3.45		25.02
2	Phạm Văn Trung	Phó TGD Cty	21.57	1.2		22.77
3. Ban Kiểm soát						
1	Hà Xuân Hán	TB Kiểm soát	20.06			20.06
2	Nguyễn T. Thùy Dương	TV. Ban KS-CV Ban Tài chính TĐHCVN		2.0		2.0
3	Lê Anh Tuấn	TV. Ban KS-PP.KTCN		4.7		4.7

**) Thù lao trên bao gồm: Thù lao các chức danh kiêm nhiệm HĐQT, kiểm soát viên của Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc và Thù lao đối với Người đại diện phần vốn của Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc tại các doanh nghiệp khác.*

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:

TT	Tên Công ty	Nội dung hợp đồng	Mối quan hệ liên quan tới Công ty	Ngày ký hđ
1	Công ty XNK Phân	Bán điện cho Công ty	Công ty liên kết	7/1/2016

	bón Bắc Giang	XNK Phân bón Bắc Giang		
2	Công ty XNK Phân bón Bắc Giang	Cân thuê cho Công ty XNK Phân bón Bắc Giang	Công ty liên kết	7/1/2016
3	Công ty XNK Phân bón Bắc Giang	Bán nước cho Công ty XNK Phân bón Bắc Giang	Công ty liên kết	7/1/2016
4	Công ty XNK Phân bón Bắc Giang	Bán khí đốt thu hồi cho Công ty XNK Phân bón Bắc Giang	Công ty liên kết	7/1/2016
5	Công ty XNK Phân bón Bắc Giang	Phân tích thuê cho Công ty XNK Phân bón Bắc Giang	Công ty liên kết	7/1/2016
6	Công ty CP Hóa chất Hưng phát Hà Bắc	Bán điện cho Công ty CP Hóa chất Hưng phát Hà Bắc	Công ty con	7/1/2016
7	Công ty CP Hóa chất Hưng phát Hà Bắc	Bán nguyên vật liệu cho Công ty CP Hóa chất Hưng phát Hà Bắc	Công ty con	29/4/2011
8	Công ty CP Khí hóa lỏng Hà Bắc	Phân tích thuê cho Công ty CP Khí hóa lỏng Hà Bắc	Công ty liên kết	7/1/2016
9	Công ty CP Khí hóa lỏng Hà Bắc	Bán điện cho Công ty CP Khí hóa lỏng Hà Bắc	Công ty liên kết	7/1/2016
10	Công ty CP Khí hóa lỏng Hà Bắc	Bán nguyên liệu cho Công ty CP Khí hóa lỏng Hà Bắc	Công ty liên kết	7/1/2016

Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty: Theo đúng quy định hiện hành.

VI. Báo cáo tài chính:

Xem phụ lục 5: Báo cáo tài chính năm 2016 đã được kiểm toán

T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY *Mar*



TỔNG GIÁM ĐỐC
Đỗ Doãn Hùng

CÔNG TY CỔ PHẦN
PHÂN ĐẠM VÀ HÓA CHẤT HÀ BẮC



PHỤ LỤC 1
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
VỀ HOẠT ĐỘNG NĂM 2016
VÀ ĐỊNH HƯỚNG NĂM 2017

Bắc Giang, ngày 10 tháng 4 năm 2017

**BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2016
PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ TRONG NĂM 2017**

Hội đồng quản trị báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2016 và định hướng hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2017 như sau:

I. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2016

1. Đặc điểm tình hình năm 2016

Năm 2016 là năm đầu tiên Công ty hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần, do đó Công ty phải nghiên cứu, xây dựng hoàn thiện lại mô hình quản lý cho phù hợp với loại hình công ty mới.

Trong năm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gặp rất nhiều khó khăn, bất lợi cụ thể như sau:

- Giá bán giảm mạnh trong khi giá nguyên, nhiên liệu đầu vào ở mức cao: Giá Urê thế giới giảm xuống dưới 200 USD/tấn, lượng nhập khẩu về nhiều kéo theo giá trong nước giảm để cạnh tranh. Giá khí đồng hành giảm có lợi đạm khí, trong khi đó giá than trong nước không giảm và cao hơn giá thế giới. Giá Urê bình quân năm 2016 chỉ đạt 6.122 đồng/kg, giảm 19,4% và NH3 thương phẩm là 10.597 đồng/kg, giảm 11% so với năm 2015.

- Sản phẩm của Công ty bị cạnh tranh gay gắt trên thị trường với sản phẩm sản xuất trong nước và với sản phẩm nhập khẩu. Tình hình hạn hán kéo dài và xâm nhập mặn ở các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long đã ảnh hưởng trực tiếp đến nhu cầu sử dụng phân bón trong sản xuất nông nghiệp trong nước.

- Chi phí khấu hao và lãi vay từ Dự án cải tạo - mở rộng phát sinh lớn. Chi khấu hao là 674 tỷ đồng, lãi vay vốn đầu tư Dự án cải tạo - mở rộng là 629,42 tỷ đồng, cộng hai khoản này đã lên tới 1.303,42 tỷ đồng.

- Tỷ giá đô la tăng cao vào thời điểm cuối năm làm tăng chi phí.

- Dòng tiền luôn trong tình trạng thiếu hụt, Công ty có những lúc không cân đối được dòng tiền.



Trước những khó khăn trên, Hội đồng quản trị Công ty đã chỉ đạo, định hướng cho công tác điều hành, tạo điều kiện về cơ chế để công tác điều hành được thực thi thuận lợi nhất, đảm bảo tính chủ động, hiệu quả; đồng thời cũng đề ra các giải pháp tháo gỡ khó khăn đặc biệt trong công tác sản xuất, tài chính, công tác thị trường và tiêu thụ sản phẩm.

2. Đánh giá kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2016

Trong năm 2016 Hội đồng quản trị (HĐQT) đã tổ chức 9 cuộc họp đề ra các chủ trương, giải pháp chỉ đạo giải quyết các vấn đề liên quan đến xây dựng chiến lược phát triển và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty.

Ngoài việc tổ chức các cuộc họp nêu trên, HĐQT còn thông qua các quyết định theo phương thức lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản để chỉ đạo, giải quyết hơn 40 vấn đề có liên quan đến các định hướng lớn về quản trị doanh nghiệp và các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT, đồng thời chỉ đạo, giám sát hoạt động của Ban điều hành trong việc thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) và HĐQT.

Hội đồng quản trị đã ban hành 148 Nghị quyết, Quyết định, Thông báo và văn bản liên quan đến xây dựng chương trình hoạt động, phân công công tác, công tác nhân sự, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT trước khi ban hành đều được thông qua ký kiến của từng thành viên Hội đồng quản trị, thể hiện tính pháp lý của HĐQT là cơ quan thay mặt cổ đông để quản lý, thực hiện các quyền và nghĩa vụ đúng với Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Công tác giám sát đã tập trung vào các lĩnh vực trọng tâm của Công ty như công tác nhân sự, công tác đầu tư xây dựng, công tác tài chính, công tác tiêu thụ, công tác sản xuất... HĐQT đã phân công từng thành viên phụ trách từng lĩnh vực trong phạm vi chức năng, chịu trách nhiệm theo dõi, giám sát và hỗ trợ Ban điều hành. Các thành viên HĐQT đã nỗ lực hoàn thành chức trách, nhiệm vụ của mình một cách cẩn trọng, trung thực vì lợi ích của cổ đông. Với thuận lợi tất cả các thành viên HĐQT đều am hiểu sâu về lĩnh vực hoạt động SXKD, các thành viên HĐQT có nhiều buổi thảo luận, họp HĐQT mở rộng và kịp thời đưa ra các chỉ đạo quản trị phù hợp với nhu cầu hoạt động của Công ty cũng như các biến động của tình hình kinh tế.

Các cuộc họp của HĐQT đều được tổ chức theo đúng quy định, chu đáo, đảm bảo số lượng các thành viên tham gia, các nội dung biểu quyết đều đạt tỷ lệ đồng thuận cao, các vấn đề lấy ý kiến bằng văn bản được thực hiện đúng trình tự trên cơ sở tạo mọi điều kiện cho Ban điều hành hoạt động hiệu quả.

Trong năm 2016 công tác quản trị doanh nghiệp rất được chú trọng, HĐQT đã ban hành 24 Quy chế quản lý nội bộ. Kết quả cho thấy các quy chế đã phát huy tác dụng rõ rệt đảm bảo tính công khai, minh bạch trong các hoạt động SXKD của Công ty.

Nhằm đào tạo, bồi dưỡng chuẩn bị đội ngũ lãnh đạo cho các đơn vị, phòng ban và lãnh đạo Công ty, HĐQT đã thực hiện công tác quy hoạch cán bộ giai đoạn 2016 - 2021.

3. Kết quả giám sát đối với Ban điều hành và cán bộ quản lý

- Ban điều hành Công ty đã triển khai thực hiện nghiêm chỉnh Nghị quyết của ĐHĐCĐ, Nghị quyết của HĐQT cũng như các Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

- Qua quá trình giám sát HĐQT đánh giá Ban điều hành đã thực hiện nhiệm vụ của mình một cách cẩn trọng đáp ứng được yêu cầu thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cụ thể:

+ Đã triển khai nghiêm túc Nghị quyết của ĐHĐCĐ, Nghị quyết của HĐQT

+ Cung cấp đầy đủ các số liệu tài chính và kết quả sản xuất kinh doanh để HĐQT có cái nhìn toàn diện về sản xuất kinh doanh của Công ty qua đó HĐQT có chỉ đạo, định hướng giải quyết tồn tại, tháo gỡ khó khăn và đưa ra phương hướng trong sản xuất kinh doanh.

- Tuy nhiên Công ty vẫn còn tồn tại, hạn chế cần khắc phục, HĐQT đã chỉ đạo Ban điều hành họp kiểm điểm trách nhiệm đến từng cá nhân liên quan đến tồn tại, khuyết điểm trong điều hành sản xuất kinh doanh.

4. Kết quả thực hiện nhiệm vụ được ĐHĐCĐ giao trong năm 2016

4.1 Công tác quan hệ cổ đông

Công ty luôn quan tâm đến công tác quan hệ cổ đông để tiếp xúc, trao đổi, giải quyết các vấn đề liên quan đến những kiến nghị, đề xuất, tìm hiểu của cổ đông và các nhà đầu tư.

Công ty thực hiện xin ý kiến cổ đông bằng văn bản để giải quyết kịp thời những phát sinh trong hoạt động SXKD với nội dung:

- Bổ sung ngành nghề kinh doanh vận tải ô tô

- Điều chỉnh Dự án cải tạo - mở rộng nhà máy Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc (điều chỉnh tên chủ đầu tư từ Công ty TNHH một thành viên Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc thành Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc)

- Thông qua hợp đồng mua bán nước và hơi nước, khí đồng hồ đo, điện với Công ty Cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc.

Tình hình cổ đông tại thời điểm 1/4/2017 tóm tắt như sau:

STT	Đối tượng	Số lượng	Số cổ phần	tỷ lệ (%)
1	Nhà nước	1	265.831.000	97,66

2	Công đoàn Công ty	1	160.000	0,06
3	Cổ đông trong nước	1.275	6.209.000	2,28
4	Tổng cộng	1.277	272.200.000	100

4.2 Kết quả thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ

Hội đồng quản trị đã thực hiện nghiêm túc Nghị quyết của ĐHĐCĐ thông qua giám sát, chỉ đạo Ban điều hành trong các hoạt động của Công ty đảm bảo tuân thủ đúng Điều lệ Công ty, các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT; Nội quy, Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

Kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty cụ thể như sau:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	KH Năm 2016	Thực hiện 2016	Tỷ lệ %
1	Vốn điều lệ	triệu đồng	2.722.000	2.722.000	
2	Tổng số lao động	người	1.701	1.621	95
3	Tiền lương bình quân	đồng/người/tháng	7.000.000	5.092.000	73
4	Tổng doanh thu	triệu đồng	3.251.409	2.153.064	66
-	<i>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>	triệu đồng	3.251.409	2.116.336	65
-	<i>Doanh thu hoạt động tài chính</i>	triệu đồng	-	35.075	
	<i>Thu nhập khác</i>	triệu đồng	-	1.653	
5	Tổng chi phí	triệu đồng	3.739.568	3.204.510	86
-	<i>Giá vốn hàng bán</i>	triệu đồng	2.773.703	2.292.073	83
-	<i>Chi phí tài chính</i>	triệu đồng	782.049	742.047	95
-	<i>Chi phí bán hàng</i>	triệu đồng	99.198	43.692	44
-	<i>Chi phí quản lý DN</i>	triệu đồng	84.618	122.236	144
-	<i>Chi phí khác</i>	triệu đồng	-	4.462	
5	Lợi nhuận trước thuế	triệu đồng	-488.160	-1.051.446	215
7	Lợi nhuận sau thuế	triệu đồng	-488.160	-1.051.446	215

Kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty không đạt so với kế hoạch được ĐHĐCĐ giao vì những lý do nêu ở mục 1 trên. Hội đồng quản trị Công ty xin nhận trách nhiệm về kết quả sản xuất kinh doanh, HĐQT xin tự nhận phê bình trước ĐHĐCĐ.

II. Phương hướng, nhiệm vụ của HĐQT trong năm 2017

Năm 2017 dự báo Công ty còn gặp rất nhiều khó khăn, thách thức như: Giá nguyên, nhiên vật liệu đầu vào tăng (cụ thể như tháng 12 năm 2016 giá than 4a của Tập đoàn Than tăng 10,5%), cạnh tranh gay gắt trong thị trường phân bón, chi phí lãi vay và khấu hao cao, áp lực về dòng tiền rất lớn...

Để sản xuất kinh doanh của Công ty có bước chuyển biến HĐQT sẽ tập trung chỉ đạo Ban điều hành để giải quyết những vấn đề còn tồn tại và có định hướng phát triển.

Một số định hướng hoạt động của HĐQT trong năm 2017 như sau:

- Triển khai thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2017.
- Thực hiện tốt mối quan hệ quản trị - điều hành giữ HĐQT, Ban KS, Ban Tổng giám đốc để thực hiện đúng Điều lệ Công ty và các Quy chế quản lý nội bộ.
- Thực hiện tốt công tác quan hệ cổ đông, đảm bảo quyền lợi tốt nhất cho các nhà đầu tư, thực hiện nghiêm chỉnh việc công bố thông tin theo quy định.
- Chỉ đạo Tổng giám đốc - Giám đốc Ban QLDA, Ban QLDA để hoàn thành công tác quyết Dự án cải tạo - mở rộng nhà máy Phân đạm Hà Bắc.
- Giám sát và chỉ đạo Ban điều hành chạy máy với phương thức sản xuất cao tải, giảm định mức tiêu hao, không để xảy ra sự cố phải ngừng máy đột xuất làm tăng chi phí.
- Tiếp tục hoàn thiện tổ chức hệ thống phục vụ xuất bán hàng hợp lý tạo thuận lợi cho khách hàng. Tìm các giải pháp để đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm đặc biệt đưa sản phẩm vào thị trường mới tại miền Trung, Tây Nguyên và miền Nam.
- Chỉ đạo Tổng giám đốc và các phòng ban chuyên môn rà soát các Quy chế quản lý nội bộ để tăng cường công tác quản lý, giảm chi phí đặc biệt là vật tư đầu vào cho sản xuất.
- Tăng cường công tác đào tạo kiến thức về quản trị, cập nhật kịp thời những kiến thức về quản trị để hỗ trợ công tác, hoạt động có liên quan. Thực hiện rà soát lại quy hoạch cán bộ để đào tạo, bồi dưỡng bổ sung đội ngũ có chất lượng khi cần.
- Tích cực, chủ động làm việc với Ngân hàng Công Thương, Ngân hàng Ngoại thương chi nhánh Bắc Giang để tiếp tục cho Công ty vay vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh, nâng hạn mức cho vay vốn lưu động phù hợp với nhu cầu sản xuất kinh.
- Làm việc với các ngân hàng và các Bộ, Ban ngành liên quan để cơ cấu lại phương án trả nợ vốn vay dài hạn và các cơ chế ở tầm vĩ mô nhằm tháo gỡ khó khăn cho Công ty.

- Tiếp tục chỉ đạo rà soát, sắp xếp để giảm lao động (đặc biệt lao động khối hành chính), phần đầu trong năm 2017 lao động bình quân giảm 15%.

- Tập trung đổi mới mô hình tổ chức của Công ty trong đó:

+ Ghép 2-3 đơn vị trực thuộc hiện nay (nhất là khối hành chính) thành 01 đầu mối để giảm cơ cấu bộ máy xuống cho gọn nhẹ.

+ Trong quý II năm 2017 tiến hành sắp xếp: Phân xưởng Than phé liệu, Phân xưởng Phục vụ đời sống, Nhà Văn hóa.

+ Cuối năm 2017 đầu năm 2018 tiến hành ghép các phòng kỹ thuật, nghiệp vụ và khối sản xuất.

+ Tổ chức Đảng bố trí 01 Phó Bí thư thường trực phụ trách công tác xây dựng đảng, các cơ quan tham mưu giúp việc của Đảng ủy thực hiện hợp nhất với các cơ quan chuyên môn có chức năng tương đồng của Công ty theo hướng dẫn số 69-QĐ/TW ngày 13/02/2017 của Ban tổ chức Trung ương.

+ Tổ chức Công đoàn bố trí 1-2 cán bộ chuyên trách theo mô hình công ty có 1.400 lao động, còn lại bố trí kiêm nhiệm.

+ Các tổ chức Đoàn thanh niên, Hội cựu chiến binh Công ty bố trí kiêm nhiệm.

PHẦN KẾT LUẬN

Trên đây là báo cáo về kết quả hoạt động của HĐQT năm 2016 và phương hướng, nhiệm vụ của HĐQT năm 2017. HĐQT đã xác định rõ nhiệm vụ trọng tâm năm 2017, HĐQT sẽ cố gắng hết sức để thực hiện nhiệm vụ do ĐHCĐ giao.



Phan Văn Tiền



CÔNG TY CỔ PHẦN
PHÂN ĐẠM VÀ HÓA CHẤT HÀ BẮC



PHỤ LỤC 2
BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN
KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH
NĂM 2016

BẮC GIANG – 2017

Bắc Giang, ngày 12 tháng 4 năm 2017

BÁO CÁO

kết quả SX-KD năm 2016 và các giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch năm 2017

Triển khai Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty trong năm 2016. Ban Tổng giám đốc báo cáo Đại hội về kết quả SX-KD năm 2016, các giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch năm 2017 cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2016.

1. Đặc điểm tình hình.

- Giá Urê và NH₃ thế giới xuống thấp kỷ lục, có thời điểm xuống dưới chi phí biến đổi của Công ty. Vì vậy, một số hợp đồng bán NH₃ cho các hộ lớn phải ngừng thực hiện. Thời tiết đầu năm không thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp: xâm ngập mặn ở Đồng bằng sông Cửu Long; hạn hán ở miền Trung và Tây Nguyên; rét đậm kéo dài ở miền Bắc làm giảm tiêu thụ phân bón.

- Dòng tiền cho sản xuất kinh doanh luôn trong tình trạng thiếu hụt nên đầu tháng 9/2016 đã phải ngừng sản xuất để giảm lượng tồn kho sản phẩm, phương thức sản xuất nhiều lần thay đổi đột xuất.

- Dây chuyền Urê số 1 sau một năm ngừng sản xuất đã chạy lại thành công ngay lần đầu tiên. Quá trình chạy lại máy đảm bảo an toàn môi trường, thiết bị hoạt động bình thường, sản phẩm bảo đảm chất lượng.

- Sản xuất và đưa ra thị trường đạm Urê cao cấp có bổ sung các nguyên tố vi lượng, mở ra hướng phát triển sản phẩm mới cho Công ty.

- Do sản xuất không ổn định nên Công ty gặp rất nhiều khó khăn trong việc sắp xếp, bố trí đủ việc làm cho người lao động. Tiền lương giảm mạnh so với các năm trước, trước những khó khăn của Công ty, tư tưởng của công nhân có nhiều dao động.

2. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu.

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2016 được Đại hội đồng cổ đông thông qua	Thực hiện năm 2016	So sánh thực hiện năm 2016 với kế hoạch năm (%)
I	Lao động, tiền lương				
1	Tổng số lao động	người	1.701	1.621	95,30
2	Tiền lương BQ 1 người/tháng	đ/ng/th	7.000.000	5.078.000	72,54
II	Tổng doanh thu	triệu đồng	3.251.409	2.153.067	66,22
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	"	3.251.409	2.116.337	65,09
2	Doanh thu hoạt động tài chính	"		35.076	
3	Thu nhập khác	"		1.654	
III	Tổng chi phí	triệu đồng	3.739.928	3.204.513	85,68
1	Giá vốn hàng bán	"	2.773.703	2.292.074	82,64
2	Chi phí tài chính	"	782.409	742.047	94,84
3	Chi phí bán hàng	"	99.198	43.693	44,05
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	"	84.618	122.236	144,46
5	Chi phí khác	"		4.462	
IV	Lợi nhuận	triệu đồng	-488.160	-1.051.446	215,39



Năm 2016, số lỗ tăng cao so với kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Nguyên nhân chủ yếu do SX-KD của Công ty gặp bất lợi kép trong cạnh tranh, cùng làm nguyên liệu để sản xuất đạm Urê nhưng giá khí giảm mạnh, các đơn vị sản xuất Urê từ khí được hưởng lợi lớn, giá than không giảm lại cao hơn giá Thế giới, gây bất lợi cho các đơn vị sản xuất đạm từ than. Trong khi đó sản phẩm phải cạnh tranh bình đẳng về giá với Urê nhập khẩu và Urê của các nhà máy đạm khí.

3. Đánh giá các mặt công tác năm 2016.

3.1. Công tác điều hành sản xuất, quản lý thiết bị, định mức tiêu hao nguyên nhiên vật liệu.

- Năm 2016 tiêu thụ sản phẩm urê chậm nên hệ thống sản xuất gặp nhiều khó khăn, kế hoạch sản xuất phụ thuộc vào khả năng tiêu thụ, dòng tiền. Do đó phải chạy máy ở nhiều phụ tải khác nhau. Có lúc phải ngừng máy kéo dài để giảm lượng đạm urê tồn kho.

- Trong năm, Công ty tiếp tục đưa ra các phương án, giải pháp kỹ thuật để ổn định môi trường, công tác quản lý kỹ thuật, quản lý sản xuất từng bước được nâng cao, đặc biệt là vấn đề qui hoạch đào trộn đồng đều than cám 4a cấp cho lò Shell và than cám 5a cấp cho lò hơi xưởng Nhiệt. Công tác tiếp nhận, bảo quản than tiếp tục được quản lý chặt chẽ là các yếu tố quan trọng để giảm định mức tiêu hao. Định mức tiêu hao than cám 4a và 5a đều thấp hơn giá trị đảm bảo của Dự án.

- Ngày 07/8/2016, Công ty sản xuất thành công đạm urê cao cấp màu xanh có bổ sung các nguyên tố vi lượng tại dây chuyền urê 1. Cả năm 2016 đã sản xuất được 5.866,3 tấn đạm urê cao cấp.

- Từ tháng 10/2016, hệ thống sản xuất ổn định ở phụ tải 88%. Năm 2016 đã chạy máy 282 ngày, ngừng máy 84 ngày, phụ tải trung bình các ngày chạy máy là 73,1%.

3.2. Công tác thị trường, tiêu thụ sản phẩm.

- Năm đầu tiên, Công ty tiến hành phân vùng tiêu thụ để tránh sản phẩm của Công ty cạnh tranh lẫn nhau trên cùng địa bàn tiêu thụ, công việc này bước đầu đã phát huy tác dụng và đang dần đi vào nền nếp.

- Giá Urê ở mức thấp nhưng vẫn liên tục giảm, đến tháng 10/2016 giá Urê thế giới đã giảm hơn 30% so với giá từ đầu năm, giá NH₃ giảm 50% so với giá bán đầu năm và ở mức thấp nhất trong 10 năm trở lại đây. Đặc biệt giá NH₃ thế giới xuống 250 USD/tấn, gần thấp bằng giá Urê và thấp dưới chi phí biến đổi của Công ty.

- Các đơn vị sản xuất trong nước cạnh tranh quyết liệt để tiêu thụ sản phẩm, đồng thời phải cạnh tranh mạnh với Urê nhập khẩu với giá rẻ hơn. Giá Urê thế giới ở mức thấp, cộng với luật thuế GTGT 71 đã khuyến khích hàng nhập khẩu có lợi thế cạnh tranh với hàng trong nước. Lượng Urê nhập khẩu năm 2016 đạt gần 650.000 tấn, cao hơn 2,21 lần so với năm 2015.

- Trong điều kiện thị trường urê gặp rất nhiều khó khăn, giá bán giảm mạnh và ở mức thấp, lượng cung đã vượt cầu, các đơn vị cạnh tranh gay gắt về giá bán để tiêu thụ được sản phẩm. Tuy vậy, Công ty đã tiêu thụ được hết sản lượng sản xuất với giá bán luôn cao hơn các đơn vị khác trên thị trường và cao hơn chi phí biến đổi của Công ty.

- Các đơn vị sử dụng NH₃ với khối lượng lớn là Công ty DAP2, MICCO cũng gặp khó khăn trong tiêu thụ sản phẩm, sản xuất gián đoạn, phụ tải thấp, nhu cầu cũng giảm mạnh, một số hợp đồng bán NH₃ phải ngừng thực hiện.

3.3. Công tác quản lý lao động, tiền lương.

- Về lao động: Ngay từ đầu năm, Công ty đã rà soát lại định biên lao động đến mức tối thiểu. Số lao động ngoài định biên được sắp xếp như sau: Tổ chức đào tạo lại để bổ sung vào các cương vị còn thiếu; Khi có người nghỉ hưu không bổ sung người vào thay thế với cương vị còn dư định biên; Động viên người gần đến tuổi nghỉ hưu hoặc sức khỏe không tốt về hưu sớm hoặc thôi hợp đồng lao động. Đến ngày 31/12/2016, số lao động của Công ty còn 1.427 người, giảm 264 người so với ngày 31/12/2015.

Do phải liên tục thay đổi phương thức sản xuất, dẫn đến Công ty gặp rất nhiều khó khăn trong việc sắp xếp, bố trí đủ việc làm cho người lao động.

- Về tiền lương: Tiền lương bình quân thực hiện năm 2016 là 5,078 triệu đồng/người/tháng, bằng mức tiền lương bình quân trong hợp đồng lao động, giảm 41,2% so với năm 2015.

Công ty bố trí công việc khác và chi lương đối với số lao động tại các đơn vị, cương vị trong thời gian ngừng máy gián đoạn bằng mức lương cơ bản đóng bảo hiểm của người lao động. Việc này đảm bảo chế độ cho người lao động xong không hiệu quả về việc sử dụng lao động của Công ty.

3.4. Công tác tài chính và đảm bảo dòng tiền cho sản xuất.

Khi đưa dự án vào vận hành, áp lực trả nợ gốc và lãi vay của dự án rất lớn. Do đó, để duy trì dòng tiền cho SX-KD được liên tục là rất khó khăn. Thực tế trong năm 2016, Công ty liên tục trong tình trạng mất cân đối dòng tiền, dòng tiền thu về từ kinh doanh rất yếu và thiếu, Công ty đã chủ động gặp gỡ thương thảo với các khách hàng đề nghị hỗ trợ để cân đối dòng tiền duy trì sản xuất, cụ thể là:

- Các ngân hàng thương mại cơ cấu mức trả nợ gốc và lãi, đồng thời kéo dài thời gian trả từ 13 năm đến 20 năm. Hiện nay, Công ty đang tiếp tục đề nghị các ngân hàng xem xét cơ cấu lại lần nữa về mức trả nợ trong những năm tới.

- Với nhà cung cấp đề nghị hỗ trợ kéo dài thời hạn thanh toán từ 15 ngày lên 45 ngày;

- Với các nhà phân phối đề nghị ứng trước tiền hàng Công ty trả lãi với mức lãi hợp lý.

Tuy nhiên, mọi cố gắng trên chỉ là giải pháp tình thế không thể duy trì được lâu dài. Việc trả nợ vốn vay đầu tư dự án đối với Ngân hàng Phát triển từ tháng 9/2016 đến nay Công ty chưa thực hiện được theo cam kết mà không có giải pháp khắc phục.

- Thường xuyên đôn đốc bán hàng và sớm thu hồi công nợ của khách hàng, Công ty chưa có phát sinh tồn đọng nợ xấu. Không chế số lượng vật tư tồn kho hợp lý, chỉ đủ dùng cho sản xuất, tránh đọng vốn.

3.5. Công tác Đầu tư - Xây dựng.

- Thực hiện kế hoạch ĐTXD đạt giá trị 22,782 tỷ đồng, đạt 100,1% kế hoạch năm điều chỉnh. Trong đó: Chi phí xây dựng: 4,043 tỷ đồng; Chi phí thiết bị: 10,782 tỷ đồng; Chi phí khác: 7,957 tỷ đồng.

- Nguồn vốn thực hiện: Vốn chủ sở hữu.

- Giá trị giải ngân: Từ nguồn Vốn chủ sở hữu: 59.752,6 triệu đồng, vay ngân hàng phát triển 836.329 triệu đồng.

- Năm 2016 trước tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty gặp nhiều khó khăn, Công ty chỉ đầu tư những dự án thực sự cần thiết để phục vụ và duy trì sản xuất của Công ty. Công ty thực hiện 05 dự án chuyên tiếp và 06 dự án đầu tư mới. Các dự án trọng điểm triển khai như sau:



+ Dự án Cải tạo - Mở rộng nhà máy: Nhiệm vụ chủ yếu năm 2016 của dự án là tập trung lập báo cáo quyết toán dự án hoàn thành và giải quyết những tồn tại của dự án.

+ Dự án đầu tư xây dựng khu tái định cư: Tiến hành giải quyết tồn tại các gói thầu của Dự án và công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng khu tái định cư.

+ Các dự án đến nay đã cơ bản hoàn thành, nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng bao gồm: Dự án đầu tư Bãi đỗ xe ô tô tập trung (thực hiện giai đoạn 1), dự án đầu tư hệ thống đường ống xử lý khí thải, Máy đo nồng độ Oxy, Trạm quan trắc tự động khí thải, dự án Cân si lô than cám 4A.

+ Dự án xây dựng hệ thống thông tin quản trị doanh nghiệp tổng thể (ERP): Sau khi điều chỉnh dự án đã thực hiện triển khai thành công, dự án hoàn thành nghiệm thu đưa vào sử dụng trong tháng 12/2016.

- Trong năm 2016 thực hiện 09 gói thầu của các dự án bằng hình thức đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế, chào hàng cạnh tranh và chỉ định thầu theo quy định Luật Đấu thầu, tiết kiệm 2,011 tỷ đồng so với giá trị dự toán được phê duyệt.

II. CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2017.

1. Tập trung cao trong điều hành sản xuất, đảm bảo được liên tục. Không để xảy ra sự cố phải dừng máy đột xuất làm tăng chi phí xử lý công nghệ. Thiết bị của Dự án hết thời gian bảo hành từ ngày 10/4/2017, do đó, phải rà soát, lập danh sách danh mục thiết bị ưu tiên cần mua dự phòng của toàn dây chuyền.

2. Tiếp tục tìm các biện pháp để giảm định mức tiêu hao, đặc biệt là than cám 4a và 5a. Không chạy máy lò hơi 75 tấn mà chỉ chạy lò hơi 130 tấn và tăng lượng điện nhận lưới giảm lượng than cám 5a cho sản xuất.

3. Tìm các giải pháp để đẩy mạnh tiêu thụ vào thị trường mới tại miền Trung và Tây Nguyên. Tăng lượng tiêu thụ Urê cao cấp để tăng hiệu quả SX-KD của Công ty. Tăng lượng tiêu thụ sản phẩm NH₃ thương phẩm khi giá bán cao hơn chi phí biến đổi để giảm áp lực cho tiêu thụ Urê và tăng phụ tải sản xuất của dây chuyền.

4. Thực hiện các giải pháp đảm bảo dòng tiền cho SX-KD như: Làm việc với Ngân hàng Công thương, Ngân hàng Ngoại thương chi nhánh Bắc Giang để tiếp tục cho Công ty vay vốn lưu động, nâng hạn mức cho vay vốn lưu động phù hợp với nhu cầu sản xuất kinh; Tái cơ cấu thời gian trả nợ gốc và lãi vay đầu tư của Dự án.

5. Tính toán phương thức sản xuất, cân đối số lượng, thời điểm mua vật tư hợp lý. Đảm bảo lượng vật tư tồn kho chỉ đủ dùng cho sản xuất, không để tồn kho vật tư.

6. Tiếp tục rà soát, sắp xếp để giảm lao động, đặc biệt là lao động ở bộ phận gián tiếp để giảm chi phí nhân công. Ban hành phụ cấp thu hút đối với công nhân trực tiếp sản xuất. Đào tạo mới công nhân kỹ thuật ở các cương vị sản xuất, đảm bảo đủ nhân lực cho sản xuất liên tục.

7. Tìm kiếm và chạy thử các nguồn cung cấp than mới, kể cả than nhập khẩu để đa dạng hóa nguồn cung và tạo áp lực cạnh tranh giữa các đơn vị cung cấp.

8. Tiết giảm các chi phí gián tiếp như chi phí quản lý, chi văn phòng phẩm, tiền điện, nước và các chi phí khác không phục vụ trực tiếp cho sản xuất kinh doanh.

Nơi nhận:

- HĐQT;
- Lưu: VT, KH.



Đỗ Doãn Hùng

CÔNG TY CỔ PHẦN
PHÂN ĐẠM VÀ HÓA CHẤT HÀ BẮC



PHỤ LỤC 3
BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY
NĂM 2016

BẮC GIANG – 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN
PHÂN ĐẠM VÀ HÓA CHẤT HÀ BẮC



PHỤ LỤC 4
BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
NĂM 2016

BẮC GIANG – 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN
PHÂN ĐẠM VÀ HÓA CHẤT HÀ BẮC
BAN KIỂM SOÁT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bắc Giang, ngày 5 tháng 4 năm 2017



BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

Tình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017

Thực hiện Điều lệ Công ty cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà bắc và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thành lập năm 2015,

Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà bắc báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả hoạt động năm 2016 và nhiệm vụ năm 2017 của Ban Kiểm soát như sau:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2016

Trong năm vừa qua, Ban Kiểm soát đã thực hiện các công việc cụ thể sau:

- Phân công các thành viên Ban Kiểm soát tham gia kiểm soát các hoạt động của Công ty, thực hiện chức trách của Ban Kiểm soát theo quy định.
- Tham gia và có ý kiến trong các cuộc họp của Hội đồng quản trị.
- Kiến nghị Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc về công tác quản lý, điều hành Công ty.
- Kiểm tra, thẩm định các báo cáo tài chính định kỳ của Công ty; Thực hiện kiểm soát định kỳ theo quy định.
- Thẩm định báo cáo quản trị Công ty năm 2016.
- Kiểm tra việc ban hành và thực thi các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc.
- Kiểm tra tính chính xác, trung thực, hợp pháp trong việc lập báo cáo tài chính định kỳ, báo cáo kiểm toán năm.

II. KẾT QUẢ KIỂM TRA, KIỂM SOÁT

1. Công tác quản lý, điều hành Công ty của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc trong năm 2016.

Năm 2016 tình hình sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp sản xuất phân bón nói chung và Công ty nói riêng thực sự gặp rất nhiều khó khăn: sự thay đổi về chính sách thuế, sự cạnh tranh giữa các nhà cung cấp phân bón mới trên thị trường, hạn hán kéo dài, giá nông sản thấp; ..., trước những khó khăn thách thức



mới, HĐQT và Ban giám đốc Công ty đã xác định rõ và tập trung trong công tác quản trị doanh nghiệp, tăng cường công tác quản lý, ... để hoàn thành nhiệm vụ đã đặt ra.

❖ *Kiểm soát các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị:*

- Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, biên bản cuộc họp, các Nghị quyết, Quyết định và văn bản của HĐQT phù hợp với Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty

- Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc đã tiếp tục hoàn thiện hệ thống quy chế quản lý nội bộ.

- Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc đã tích cực, chủ động trong việc hoàn thiện cơ cấu tổ chức bộ máy Công ty.

- Trình tự, thủ tục các phiên họp của Hội đồng quản trị, việc thông qua các quyết định của Hội đồng quản trị phù hợp với các quy định.

Ban Kiểm soát nhất trí với các đánh giá của Hội đồng quản trị trong báo cáo quản trị Công ty năm 2016.

❖ *Kiểm soát nội dung hoạt động của Ban Tổng giám đốc:*

- Thực hiện Nghị quyết Đại hội cổ đông thành lập, Nghị quyết của Hội đồng quản trị và mục tiêu nhiệm vụ đã đề ra Ban Tổng giám đốc đã tập trung chỉ đạo và cùng Công ty khắc phục khó khăn, đồng thời phát huy nội lực sẵn có, tận dụng thuận lợi để thực hiện hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ đã được Đại hội đồng cổ đông thành lập năm 2015 đề ra. Các chỉ tiêu cụ thể đã được nêu trong Báo cáo đánh giá của Ban Tổng giám đốc về tình hình mọi mặt của Công ty năm 2016.

- Ban Tổng giám đốc đã thực hiện tốt chỉ đạo của HĐQT về một số mục tiêu đã được Đại hội cổ đông thông qua: đảm bảo duy trì được dòng vốn cho hoạt động SXKD, công tác thị trường được mở rộng theo xu hướng sản lượng nâng cao...

Ban Kiểm soát nhất trí với Báo cáo đánh giá của Ban Tổng giám đốc về tình hình mọi mặt của Công ty năm 2016.

2. Thẩm định báo cáo tài chính năm 2016 của Công ty

- Báo cáo tài chính hàng quý của Công ty được lập và gửi đúng hạn, phù hợp với các quy định của pháp luật.

- Báo cáo tài chính năm 2016 đã được kiểm toán, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty, phù hợp với các quy định của pháp luật, với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

Một số chỉ tiêu tài chính:

Theo báo cáo tài chính riêng

ĐVT: tỷ đồng

Chi tiêu	Đơn vị tính	Năm 2016
Tổng tài sản	Tỷ đồng	9.777
Nợ phải trả	Tỷ đồng	8.776
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	1.000
Hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu	Lần	8,78
Doanh thu và thu nhập khác	Tỷ đồng	2.153
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	-1.051
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	-

Theo báo cáo tài chính hợp nhất

ĐVT: tỷ đồng

Chi tiêu	Đơn vị tính	Năm 2016
Tổng tài sản	Tỷ đồng	9.909
Nợ phải trả	Tỷ đồng	8.869
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	1.039
Hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu	Lần	8,53
Doanh thu và thu nhập khác	Tỷ đồng	2.194
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	-1.040
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	-

34 / TỶ / 12 / M / 12 / 12 / 12

3. Kiểm tra, xem xét các khiếu nại, tố cáo

Từ sau khi Công ty hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần đầu năm 2016 đến nay, Ban Kiểm soát chưa nhận được bất kỳ khiếu nại, tố cáo nào liên quan đến các chức danh thuộc Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty.

4. Sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc; công bố thông tin cho cổ đông

- Hội đồng quản trị Công ty tổ chức họp thường kỳ hàng quý và họp bất thường, có sự tham gia của Ban Kiểm soát, Ban Tổng giám đốc. Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị đều được triển khai thực hiện một cách nghiêm túc, kịp thời.

- Ban Kiểm soát đã nhận được tương đối đầy đủ các tài liệu về tình hình hoạt động, tình hình tài chính của Công ty.

- Các thông tin cơ bản về tình hình hoạt động, tình hình tài chính của Công ty đã được đăng tải công khai trên trang Web của Công ty.

III. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ CỦA BAN KIỂM SOÁT

- Đề nghị Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc tiếp tục hoàn thiện, sửa đổi, bổ sung hệ thống quy chế quản lý nội bộ của Công ty, đảm bảo phù hợp với các quy định đối với Công ty niêm yết và thực tiễn hoạt động của Công ty.

- Đề nghị Hội đồng quản trị tiếp tục chỉ đạo hoàn thiện cơ cấu tổ chức bộ máy Công ty.

- Đề nghị Hội đồng quản trị chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ thực hiện quyết toán các dự án hoàn thành, hạng mục đầu tư để sớm đưa vào hoạt động, phát huy hiệu quả đầu tư.

- Đề nghị Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc tiếp tục có giải pháp tăng cường công tác thị trường; quản trị chi phí sản xuất; quản lý công nợ, giảm nợ phải thu; hoàn thiện hồ sơ xử lý nợ không thu hồi được.

- Năm 2017 là một năm tiếp tục khó khăn đối với các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh phân bón do biến động khó lường của giá phân bón thế giới và sự cạnh tranh gay gắt giữa các nhà sản xuất trong nước, Công ty cần quản trị tốt doanh nghiệp để hoàn thành mục tiêu kế hoạch đã đề ra.

IV. NHIỆM VỤ NĂM 2017 CỦA BAN KIỂM SOÁT

Với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn đã được quy định, Ban Kiểm soát thay mặt cổ đông của Công ty thực hiện kiểm tra, giám sát việc quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh và các hoạt động khác của Công ty.

Trong năm 2017, Ban Kiểm soát sẽ thực hiện nhiệm vụ kiểm soát thường xuyên và định kỳ, tập trung vào các mặt công tác sau:

- Giám sát tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển năm 2017 và các nội dung khác theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017.

- Kiểm tra việc ban hành và thực thi các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc trong công tác quản lý, điều hành Công ty.

- Kiểm tra việc chấp hành các quy định về quản lý tài chính kế toán, kiểm tra tính chính xác, trung thực, hợp pháp trong việc lập, sử dụng, luân chuyển và lưu trữ chứng từ kế toán, việc lập báo cáo tài chính định kỳ, công tác kiểm toán báo cáo tài chính năm 2017.

- Kiểm tra việc công bố thông tin theo quy định đối với Công ty niêm yết.

- Kiểm tra, đôn đốc giải quyết các nội dung công việc còn tồn tại.

- Trên cơ sở kết quả kiểm tra, có đề xuất, kiến nghị với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc để nâng cao hiệu quả công tác quản trị, điều hành Công ty.

- Thực hiện các công việc khác khi có yêu cầu.

Trong năm 2016, Ban Kiểm soát đã hoàn thành nhiệm vụ do Đại hội đồng cổ đông giao. Ban Kiểm soát trân trọng báo cáo kết quả hoạt động năm 2016 và nhiệm vụ năm 2017 trình Đại hội đồng cổ đông.

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua./.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- HĐQT Công ty;
- Tổng giám đốc Công ty;
- Các thành viên BKS;
- Lưu: VT.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Hà Xuân Hán

CÔNG TY CỔ PHẦN
PHÂN ĐẠM VÀ HÓA CHẤT HÀ BẮC



PHỤ LỤC 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ KIỂM TOÁN NĂM 2016

BẮC GIANG – 2017

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN ĐẠM
VÀ HOÁ CHẤT HÀ BẮC**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016
(đã được kiểm toán)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	06 - 38
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	09 - 10
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	11 - 38

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc được cổ phần hóa từ doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước là Công ty TNHH MTV Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc. Công ty chính thức chuyển đổi thành công ty cổ phần từ ngày 01 tháng 01 năm 2016. Công ty thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với mã số 2400120344 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp lần đầu ngày 21 tháng 12 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 01 tháng 01 năm 2016.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Đường Trần Nguyên Hãn, phường Thọ Xương, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phan Văn Tiền	Chủ tịch
Ông Đỗ Doãn Hùng	Thành viên
Ông Nguyễn Đức Ninh	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Đông	Thành viên
Ông Nguyễn Phùng Hưng	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Đỗ Doãn Hùng	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đức Ninh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Văn Trung	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Hà Xuân Hán	Trưởng Ban
Bà Nguyễn Thị Thùy Dương	Kiểm soát viên
Ông Lê Anh Tuấn	Kiểm soát viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.



Đỗ Doãn Hùng

Tổng Giám đốc

Bắc Giang, ngày 10 tháng 03 năm 2017

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc được lập ngày 10 tháng 03 năm 2017, từ trang 06 đến trang 37, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh 32b trong Bản thuyết minh báo cáo tài chính: Tại thời điểm 31/12/2016, Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty phản ánh Nợ ngắn hạn là 1.356,7 tỷ VND, Tài sản ngắn hạn là 557,6 tỷ VND; lỗ lũy kế là 1.720,8 tỷ VND. Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của Công ty được trình bày dựa trên cơ sở giả định hoạt động liên tục, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng Công ty có thể cân đối được dòng tiền để thanh toán các khoản nợ khi đến hạn và phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty, đồng thời Tập đoàn Hóa chất Việt Nam đã cam kết sẽ tiếp tục thực hiện đồng bộ, toàn diện các giải pháp để hỗ trợ Công ty ổn định, phát triển sản xuất kinh doanh, đảm bảo khả năng trả nợ. Vấn đề nhấn mạnh này không làm thay đổi ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần của chúng tôi.



Vũ Xuân Biển

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 0743-2013-002-1

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2017



Vũ Xuân Tùng

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 1942-2013-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		557.693.022.153	892.417.405.279
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	32.783.172.641	115.058.037.865
111	1. Tiền		22.783.172.641	105.058.037.865
112	2. Các khoản tương đương tiền		10.000.000.000	10.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		140.931.304.947	301.326.958.904
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	108.918.019.293	260.069.858.687
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	8.321.985.179	15.557.054.650
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		418.345.668	598.131.323
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	7	28.483.291.869	25.101.914.244
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(5.210.337.062)	-
140	IV. Hàng tồn kho	8	382.322.842.268	458.335.862.570
141	1. Hàng tồn kho		382.322.842.268	458.335.862.570
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.655.702.297	17.696.545.940
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	1.091.060.365	1.357.295.201
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		-	16.339.250.739
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	564.641.932	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		9.351.491.337.928	9.291.657.651.656
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		134.000.000	134.000.000
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng	5	134.000.000	134.000.000
220	II. Tài sản cố định		9.018.885.042.077	8.999.334.451.416
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	9.008.590.350.682	8.999.334.451.416
222	- Nguyên giá		10.697.441.021.387	10.001.863.738.866
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.688.850.670.705)	(1.002.529.287.450)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	10.294.691.395	-
228	- Nguyên giá		13.226.611.293	2.872.775.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.931.919.898)	(2.872.775.000)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	9	70.257.570.933	80.923.918.997
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn		33.552.540	33.552.540
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		70.224.018.393	80.890.366.457
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	17.997.281.785	18.715.512.117
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		17.997.281.785	18.715.512.117
260	VI. Tài sản dài hạn khác		244.217.443.133	192.549.769.126
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	244.217.443.133	192.549.769.126
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		9.909.184.360.081	10.184.075.056.935

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		8.869.504.609.651	8.099.936.993.637
310	I. Nợ ngắn hạn		1.356.767.020.493	1.827.649.318.342
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	427.178.636.907	351.820.023.947
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	12.219.964.912	2.873.580.840
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	7.334.878.349	26.540.502.513
314	4. Phải trả người lao động		8.150.950.345	64.636.690.067
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	2.939.995.037	3.070.430.356
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	248.060.809.303	79.987.823.809
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	13	643.704.889.158	1.281.116.219.440
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		7.176.896.482	17.604.047.370
330	II. Nợ dài hạn		7.512.737.589.158	6.272.287.675.295
337	1. Phải trả dài hạn khác	18	69.728.626.787	63.061.436.187
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	13	7.439.932.501.523	6.206.149.778.260
343	3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		3.076.460.848	3.076.460.848
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.039.679.750.430	2.084.138.063.298
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	1.039.679.750.430	2.084.138.063.298
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		2.722.000.000.000	2.722.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		2.722.000.000.000	2.722.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		-	203.970.600
416	3. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		6.018.633.885	6.018.633.885
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		4.345.959.199	4.693.430.466
420	5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		36.892.197	24.444.000
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(1.720.874.648.315)	(675.268.242.371)
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(678.658.877.796)	1.164.043.392
421b	- LNST chưa phân phối năm nay		(1.042.215.770.519)	(676.432.285.763)
429	7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		28.152.913.464	26.465.826.718
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		9.909.184.360.081	10.184.075.056.935

Nguyễn Thu Nga

Nguyễn Thu Nga
 Người lập biểu

Bắc Giang, ngày 10 tháng 03 năm 2017

Lê Thị Tân Hoa

Lê Thị Tân Hoa
 Trưởng phòng Kế toán



Đỗ Doãn Hùng
 Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	2.157.077.187.332	2.010.266.174.670
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		2.157.077.187.332	2.010.266.174.670
11	4. Giá vốn hàng bán	21	2.315.444.524.687	1.921.723.384.059
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		(158.367.337.355)	88.542.790.611
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	35.114.729.552	18.650.289.681
22	7. Chi phí tài chính	23	746.072.180.574	654.005.868.936
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		671.259.021.385	448.123.859.842
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		3.637.420.282	(612.926.184)
25	9. Chi phí bán hàng	24	45.807.803.533	61.020.449.536
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	127.093.855.196	102.125.853.290
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(1.038.589.026.824)	(710.572.017.654)
31	12. Thu nhập khác	26	2.292.983.105	45.301.887.383
32	13. Chi phí khác	27	4.466.508.035	3.469.170.276
40	14. Lợi nhuận khác		(2.173.524.930)	41.832.717.107
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(1.040.762.551.754)	(668.739.300.547)
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	28	-	11.033.760.571
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>(1.040.762.551.754)</u>	<u>(679.773.061.118)</u>
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		(1.042.215.770.519)	(676.432.285.763)
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		1.453.218.765	(3.340.775.355)
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	29	(3.829)	

Nguyễn Thu Nga

Nguyễn Thu Nga
Người lập biểu

Bắc Giang, ngày 10 tháng 03 năm 2017

Lê Thị Tân Hoa

Lê Thị Tân Hoa
Trưởng phòng Kế toán



Đỗ Doãn Hùng

Đỗ Doãn Hùng
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2016
 (Theo phương pháp gián tiếp)

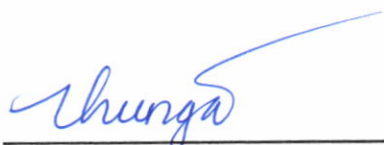
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		(1.040.762.551.754)	(668.739.300.547)
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		687.040.417.653	417.812.968.532
03	- Các khoản dự phòng		5.210.337.062	-
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		40.342.369.239	197.132.545.206
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(4.480.551.740)	(16.565.552.450)
06	- Chi phí lãi vay		671.259.021.385	448.123.859.842
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	(34.232.754.427)
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		358.609.041.845	343.531.766.156
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		167.339.683.368	(51.268.340.644)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		76.013.020.302	(137.067.834.278)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		34.840.976.390	93.693.562.312
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		15.276.572.137	(1.736.581.593)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(511.442.652.083)	(445.612.232.486)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(11.033.760.571)	(12.189.029.054)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		5.573.610	54.029.241.978
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(10.432.724.498)	(61.906.479.248)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		119.175.730.500	(218.525.926.857)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(801.401.106.915)	(880.442.260.136)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	227.545.455
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	10.811.111.111
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		4.463.373.792	15.849.258.165
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(796.937.733.123)	(853.554.345.405)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2016

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		2.100.812.313.246	1.928.918.805.446
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(1.505.350.864.725)	(1.383.869.701.024)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(211.200)	(5.910.856.377)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		595.461.237.321	539.138.248.045
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(82.300.765.302)	(532.942.024.217)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		115.058.037.865	647.943.997.112
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		25.900.078	56.064.970
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	32.783.172.641	115.058.037.865



Nguyễn Thu Nga

Người lập biểu

Bắc Giang, ngày 10 tháng 03 năm 2017



Lê Thị Tân Hoa

Trưởng phòng Kế toán





Đỗ Doãn Hùng

Tổng Giám đốc



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2016

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc được cổ phần hóa từ doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước là Công ty TNHH MTV Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc. Công ty chính thức chuyển đổi thành công ty cổ phần từ ngày 01 tháng 01 năm 2016. Công ty thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với mã số 2400120344 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp lần đầu ngày 21 tháng 12 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 01 tháng 01 năm 2016.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Đường Trần Nguyên Hãn, phường Thọ Xương, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 2.722.000.000.000 đồng, tương đương với 272.200.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp và kinh doanh thương mại.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất, mua bán phân đạm Urê, phân hỗn hợp NPK, hoá chất cơ bản, điện, hàng cơ khí;
- Sản xuất, mua bán NH₃ lỏng, các sản phẩm khí công nghiệp, các-bon đi-ô-xít (lỏng, rắn);
- Xuất nhập khẩu, kinh doanh các sản phẩm hoá chất và phân bón;
- Xây lắp công trình công nghiệp, công trình dân dụng.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Dự án đầu tư xây dựng công trình cải tạo, mở rộng và nâng công suất Nhà máy phân đạm Hà Bắc từ 180.000 lên 500.000 tấn/năm với tổng mức đầu tư hơn 568 triệu USD đi vào hoạt động từ tháng 4 năm 2015 làm cho các chi phí nguyên vật liệu, chi phí khấu hao, chi phí tài chính đều tăng cao. Năm 2016, Công ty chính thức trở thành công ty cổ phần nên tăng thêm chi phí khấu hao và chi phí phân bổ giá trị lợi thế kinh doanh do đánh giá lại khi cổ phần hóa. Đồng thời sản lượng tiêu thụ thấp, Công ty gặp rất nhiều khó khăn, thường xuyên phải vay vốn lưu động để đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh, dẫn đến lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh sụt giảm đáng kể so với năm 2015.

Cấu trúc tập đoàn

- Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2016 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty Cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc	Bắc Giang	64,56%	64,56%	Sản xuất và kinh doanh H ₂ O ₂

- Công ty có các công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2016 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Phân bón Bắc Giang	Bắc Giang	36,00%	36,00%	Sản xuất và kinh doanh phân bón
- Công ty Cổ phần Khí hóa lỏng Hà Bắc	Bắc Giang	36,00%	36,00%	Sản xuất và kinh doanh CO ₂

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của công ty con do Công ty kiểm soát được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và công ty con.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát: Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty.

2.4. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.6. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7. Các khoản đầu tư tài chính

Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

2.8. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.



Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho chi phí phát sinh thực tế cho từng giai đoạn sản xuất trong dây chuyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25	năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 15	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06	năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 05	năm
- Tài sản cố định khác	05	năm
- Phần mềm quản lý	03 - 08	năm

2.11. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Lợi thế kinh doanh phát sinh khi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước được phân bổ dần trong 10 năm.

2.12. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.13. Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.14. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.15. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.16. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Chênh lệch đánh giá lại tài sản được phản ánh trong các trường hợp: khi có quyết định của Nhà nước về đánh giá lại tài sản, khi thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước, và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

2.17. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.18. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.19. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chiết khấu thanh toán cho khách hàng;
- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, lỗ tỷ giá hối đoái...

2.20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

2.21. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
- Tiền mặt	3.581.038.845	2.430.466.464
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	19.202.133.796	102.627.571.401
- Các khoản tương đương tiền	10.000.000.000	10.000.000.000
	32.783.172.641	115.058.037.865

Tại 31/12/2016, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng được gửi tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bắc Giang với lãi suất 4,78 %/năm.

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	31/12/2016	01/01/2016
	Số lượng cổ phần	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu
		Số lượng cổ phần
		Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu
	VND	VND
Đầu tư vào Công ty liên kết		
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Phân bón Bắc Giang	342.000	4.467.621.677
- Công ty Cổ phần Khí hóa lỏng Hà Bắc	864.906	13.529.660.108
	1.206.906	17.997.281.785
		18.715.512.117

Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2016 như sau:

Tên công ty liên kết

Nơi thành lập và hoạt động

Tỷ lệ lợi ích

Tỷ lệ biểu quyết

Hoạt động kinh doanh chính

- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Phân bón Bắc Giang	Bắc Giang	36,00%	36,00%	Sản xuất và kinh doanh phân bón
- Công ty Cổ phần Khí hóa lỏng Hà Bắc	Bắc Giang	36,00%	36,00%	Sản xuất và kinh doanh CO2

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và các công ty liên kết trong năm: Xem thuyết minh 35.

5. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hà Anh	-	59.539.305.600
- Công ty Cổ phần DAP số 2 - VINACHEM	36.883.404.084	56.374.174.771
- Công ty WUHUAN ENGINEERING CO.,LTD	54.744.106.558	54.372.572.824
- Các khoản phải thu khách hàng khác	17.424.508.651	89.917.805.492
	109.052.019.293	260.203.858.687
b) Phải thu của khách hàng phân loại theo kỳ hạn thanh toán		
- Các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn	108.918.019.293	260.069.858.687
- Các khoản phải thu khách hàng dài hạn	134.000.000	134.000.000
	109.052.019.293	260.203.858.687
c) Phải thu khách hàng là các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 35)	38.329.879.818	73.769.693.004

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
- Công ty Cổ phần Constrexim - Meco	-	5.210.337.062
- Công ty TNHH Vận tải và thương mại Hoà Tấn	5.870.205.784	3.322.007.901
- Công ty TNHH Hoá chất Dầu khí Động Thiên Nhạc Dương Trung Quốc	1.227.193.532	3.478.546.290
- Các khoản trả trước cho người bán khác	1.224.585.863	3.546.163.397
	8.321.985.179	15.557.054.650

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	-	-	3.622.959.000	-
- Phải thu về lãi tiền gửi	34.522.222	-	31.805.556	-
- Phải thu về bảo hiểm xã hội	905	-	-	-
- Tạm ứng	265.700.000	-	164.600.000	-
- Chênh lệch thuế lấp đặt	13.438.777.576	-	11.502.471.229	-
- Công ty Cổ phần Constrexim - Meco	5.210.337.062	(5.210.337.062)	-	-
- Chi phí dự án tái định cư	1.922.846.560	-	1.941.317.015	-
- Chi phí đầu tư dự án cải tạo, nâng cấp tuyến ống từ trạm bơm 390 đến 395	2.701.391.102	-	2.701.391.102	-
- Phải thu khác điều chỉnh theo kết luận của Kiểm toán Nhà nước	3.905.542.863	-	4.084.932.678	-
- Phải thu về thuế TNCN	1.465.934	-	33.091.328	-
- Phải thu khác	1.002.707.645	-	1.019.346.336	-
	28.483.291.869	(5.210.337.062)	25.101.914.244	-

8. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Nguyên liệu, vật liệu	154.925.247.823	-	311.227.004.641	-
- Công cụ, dụng cụ	743.603.832	-	917.705.334	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	22.890.770.785	-	30.635.216.619	-
- Thành phẩm	203.763.219.828	-	115.555.935.976	-
	382.322.842.268	-	458.335.862.570	-

9. TÀI SẢN DỞ DANG DÀI HẠN

a) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
- Nghiên cứu thực hiện đề tài CA	33.552.540	33.552.540	33.552.540	33.552.540
	33.552.540	33.552.540	33.552.540	33.552.540

b) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
- Xây dựng cơ bản	70.224.018.393	80.541.656.103
Dự án tái định cư (*)	70.086.922.211	68.819.888.211
Dự án nhánh đường sắt để quay đầu máy	137.096.182	-
Dự án hệ thống thông tin quản trị doanh nghiệp ERP	-	10.502.589.064
Dự án hệ thống đường ống xử lý khí thải xường NH3-2	-	1.109.318.464
Dự án đầu tư xây dựng trạm cân điện tử 150 tấn	-	109.860.364
- Sửa chữa lớn	-	348.710.354
Sửa chữa nhà máy nhiệt điện (dự án 15 vạn)	-	348.710.354
	70.224.018.393	80.890.366.457

(*) Dự án xây dựng khu tái định cư do cải tạo mở rộng nhà máy Phân đạm Hà Bắc được UBND tỉnh Bắc Giang giao cho Công ty làm chủ đầu tư, tổng mức đầu tư là 87 tỷ đồng, nguồn vốn thực hiện từ thu tiền sử dụng đất khi giao đất tái định cư, Công ty ứng vốn trước để thực hiện. Dự án bắt đầu thực hiện từ năm 2010, đến nay đã cơ bản hoàn thành và đang trong quá trình hoàn thiện chờ quyết toán.

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		TSCĐ khác		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá										
Số dư đầu năm	1.902.412.673.265	8.072.934.155.784	26.346.909.817	170.000.000	10.001.863.738.866					
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	168.681.791.484	522.857.103.460	4.038.387.577	-	695.577.282.521					
Số dư cuối năm	2.071.094.464.749	8.595.791.259.244	30.385.297.394	170.000.000	10.697.441.021.387					
Giá trị hao mòn lũy kế										
Số dư đầu năm	212.310.961.173	778.189.942.827	11.991.077.899	37.305.551	1.002.529.287.450					
- Khấu hao trong năm	108.691.273.157	575.143.235.078	3.112.764.524	33.999.996	686.981.272.755					
- Giảm khác	(659.889.500)	-	-	-	(659.889.500)					
Số dư cuối năm	320.342.344.830	1.353.333.177.905	15.103.842.423	71.305.547	1.688.850.670.705					
Giá trị còn lại										
Tại ngày đầu năm	1.690.101.712.092	7.294.744.212.957	14.355.831.918	132.694.449	8.999.334.451.416					
Tại ngày cuối năm	1.750.752.119.919	7.242.458.081.339	15.281.454.971	98.694.453	9.008.590.350.682					

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 8.717.086.731.850 VND.

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 953.252.877 VND.

- Dự án cải tạo, mở rộng Nhà máy Phân đạm Hà Bắc được hạch toán tạm tăng TSCĐ từ tháng 4 năm 2015, hiện vẫn chưa có quyết toán hoàn thành dự án. Tại ngày 31/12/2016, nguyên giá tạm tăng là 9.537.924.611.302 VND, giá trị khấu hao lũy kế là 979.817.586.852 đồng.

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	2.872.775.000	2.872.775.000
- Mua trong năm	10.353.836.293	10.353.836.293
Số dư cuối năm	13.226.611.293	13.226.611.293
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	2.872.775.000	2.872.775.000
- Khấu hao trong năm	59.144.898	59.144.898
Số dư cuối năm	2.931.919.898	2.931.919.898
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu năm	-	-
Tại ngày cuối năm	10.294.691.395	10.294.691.395

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 2.872.775.000 VND.

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
a) Ngắn hạn		
- Chi phí quảng cáo	-	833.120.000
- Chi phí sửa chữa lò Shell	675.120.000	-
- Bảo hiểm tài sản	151.463.236	272.737.574
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	264.477.129	251.437.627
	1.091.060.365	1.357.295.201
b) Dài hạn		
- Chi phí sửa chữa lớn	5.787.240.407	2.210.901.123
- Công cụ dụng cụ đánh giá lại khi cổ phần hóa	1.312.350.523	1.968.525.784
- Công cụ dụng cụ xuất dùng khác	-	16.842.000
- Lợi thế kinh doanh khi cổ phần hóa	169.518.150.197	188.353.500.219
- Tiền thuê đất	66.678.011.308	-
- Chi phí nạo vét cảng than	921.690.698	-
	244.217.443.133	192.549.769.126

Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc

Đường Trần Nguyễn Hãn, phường Thọ Xương, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

13. CÁC KHOẢN VAY

	01/01/2016		Trong năm		31/12/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
- Vay ngắn hạn	775.900.000.000	775.900.000.000	1.194.774.319.926	1.404.786.573.526	565.887.746.400	565.887.746.400
- Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	505.216.219.440	505.216.219.440	76.648.440.258	504.047.516.940	77.817.142.758	77.817.142.758
	1.281.116.219.440	1.281.116.219.440	1.271.422.760.184	1.908.834.090.466	643.704.889.158	643.704.889.158
b) Vay dài hạn						
- Vay dài hạn	6.711.365.997.700	6.711.365.997.700	906.947.937.780	100.564.291.199	7.517.749.644.281	7.517.749.644.281
+ Vay các ngân hàng	6.711.353.507.700	6.711.353.507.700	906.947.937.780	100.564.291.199	7.517.737.154.281	7.517.737.154.281
+ Vay cán bộ công nhân viên	12.490.000	12.490.000	-	-	12.490.000	12.490.000
	6.711.365.997.700	6.711.365.997.700	906.947.937.780	100.564.291.199	7.517.749.644.281	7.517.749.644.281
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(505.216.219.440)	(505.216.219.440)	(76.648.440.258)	(504.047.516.940)	(77.817.142.758)	(77.817.142.758)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	6.206.149.778.260	6.206.149.778.260			7.439.932.501.523	7.439.932.501.523
Thông tin chi tiết liên quan đến khoản vay ngắn hạn						
	Loại tiền	Lãi suất năm	Hình thức đảm bảo	31/12/2016	01/01/2016	
					(Đã điều chỉnh)	
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Bắc Giang	VND	5,20%	Tài sản đảm bảo	310.300.000.000	556.100.000.000	VND
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Bắc Giang	VND	5,00%	Tài sản đảm bảo	223.800.000.000	219.800.000.000	
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Bắc Giang	VND	6,50%	Tài sản đảm bảo	1.787.746.400	-	
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	VND	Theo lãi suất ngân hàng	Tin chấp	30.000.000.000	-	
				565.887.746.400	775.900.000.000	

Thông tin chi tiết liên quan đến khoản vay dài hạn các ngân hàng

(1) Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Giang và các ngân hàng đồng tài trợ:

Hợp đồng tín dụng số:	: 01.68/HĐTD ngày 06/08/2010
Tổng số tiền vay không vượt quá	: 192.000.000,00 USD
Trong đó:	
+ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	: 87.311.577,81 USD
+ Ngân hàng Cathay United Bank - Chi nhánh Gia Lai	: 24.688.422,19 USD
+ Ngân hàng TMCP Á Châu	: 50.000.000,00 USD
+ Ngân hàng Indovina - Chi nhánh Hà Nội	: 30.000.000,00 USD
Mục đích vay	: Đầu tư Dự án cải tạo, mở rộng nhà máy phân đạm Hà Bắc.
Lãi suất	: Tổng của lãi suất tham chiếu USD và 2,5%/năm.
Năm đáo hạn	: 2031
Hình thức đảm bảo	: Tài sản hình thành từ vốn vay.

Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2016 là 116.895.970,92 USD (tương đương 2.664.059.177.267 VND), trong đó số đến hạn trả trong năm 2017 là 149.562,16 USD (tương đương 3.408.521.626 VND).

(2) Ngân hàng TMCP Công thương - Chi nhánh Bắc Giang:

Hợp đồng tín dụng số:	: 02.68/HĐTD ngày 06/08/2010.
Tổng số tiền vay không vượt quá	: 30.000.000,00 USD
Mục đích vay	: Đầu tư Dự án cải tạo, mở rộng nhà máy phân đạm Hà Bắc.
Lãi suất	: Tổng của lãi suất tham chiếu USD và 2,5%/năm.
Năm đáo hạn	: 2031
Hình thức đảm bảo	: Tài sản hình thành từ vốn vay.

Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2016 là 29.192.844,6 USD (tương đương 665.304.928.434 VND), trong đó số đến hạn trả trong năm 2017 là 38.310,8 USD (tương đương 873.103.132 VND).

(3) Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc Giang:

Hợp đồng tín dụng số:	: 45/2008/HĐTD ĐT-NHPT ngày 04/05/2008.
Tổng số tiền vay không vượt quá	: 4.125.000.000.000 VND
Mục đích vay	: Đầu tư Dự án cải tạo, mở rộng nhà máy phân đạm Hà Bắc.
Lãi suất	: Theo quy định của ngân hàng tại từng thời điểm
Năm đáo hạn	: 2023
Hình thức đảm bảo	: Tài sản hình thành từ vốn vay.
Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2016 là 3.957.262.000.000 VND, trong đó số đến hạn trả trong năm 2017 là 6.136.000.000 VND.	

(4) Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc Giang (ODA):

Hợp đồng tín dụng số: : 01/TDNN ngày 19/05/2003.
Tổng số tiền vay không vượt quá : 21.520.000,00 USD
Mục đích vay : Đầu tư cải tạo kỹ thuật nhà máy phân đạm Hà Bắc.
Lãi suất : 0%, phí cho vay lại là 0,2%/năm.
Năm đáo hạn : 2020
Hình thức đảm bảo : Tài sản hình thành từ vốn vay.
Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2016 là 6.456.000 USD (tương đương 143.058.504.000 VND), trong đó số đến hạn trả trong năm 2017 là 2.152.000 USD (tương đương 47.686.168.000 VND).

(5) Ngân hàng TMCP Công thương - Chi nhánh Bắc Giang:

Hợp đồng tín dụng số: : 0001-018-01/HHTD ngày 15/07/2010
Mục đích vay : Đầu tư xây dựng dây chuyền sản xuất H2O2.
Lãi suất : 6%/năm
Năm đáo hạn : 2020
Hình thức đảm bảo : Tài sản hình thành từ vốn vay.
Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2016 là 1.947.879 USD (tương đương 44.372.683.620 VND), trong đó số đến hạn trả trong năm 2017 là 444.000 USD (tương đương 10.118.760.000 VND).

(6) Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Giang:

Hợp đồng tín dụng số: : 01/10/ĐTDA/BG ngày 15/07/2010
Mục đích vay : Đầu tư xây dựng dây chuyền sản xuất H2O2.
Lãi suất : 6%/năm
Năm đáo hạn : 2020
Hình thức đảm bảo : Tài sản hình thành từ vốn vay.
Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2016 là 1.916.624 USD (tương đương 43.679.860.960 VND), trong đó số đến hạn trả trong năm 2017 là 421.000 USD (tương đương 9.594.590.000 VND).

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Công ty Hữu hạn Cổ phần Khoa học kỹ thuật Ngũ Hoàn	182.662.012.558	182.662.012.558	323.277.009.280	323.277.009.280
- Tập đoàn Công nghiệp Than Khoáng sản Việt Nam	67.095.189.211	67.095.189.211	5.786.291.300	5.786.291.300
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Hoàng Gia	70.114.903.419	70.114.903.419	-	-
- Công ty Cổ phần Khoáng sản DANKA	38.961.734.350	38.961.734.350	-	-
- Phải trả các đối tượng khác	68.344.797.369	68.344.797.369	22.756.723.367	22.756.723.367
	427.178.636.907	427.178.636.907	351.820.023.947	351.820.023.947
b) Phải trả người bán là các bên liên quan	672.270.500	672.270.500	776.927.555	776.927.555

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 35)

15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
- Công ty Cổ phần Vật tư Nông nghiệp Thái Nguyên	2.998.889.760	-
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Hồng Thắng	1.923.894.193	-
- Công ty Cổ phần Vật tư Nông nghiệp Diễn Châu	1.414.416.246	-
- Công ty TNHH một thành viên KC Hà Tĩnh	2.353.782.578	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất nhập khẩu Hoàng Anh	231.469.696	814.951.600
- Doanh nghiệp tư nhân Thanh Sơn	51.000.000	424.000.000
- Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Minh Lê	-	251.214.000
- Công ty Cổ phần Thương mại Tổng hợp Toàn Văn	-	231.968.000
- Công ty TNHH Dịch vụ Vật tư Nông nghiệp Nghĩa Hưng	-	325.353.000
- Các khoản người mua trả tiền trước khác	3.246.512.439	826.094.240
	12.219.964.912	2.873.580.840

Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc

Đường Trần Nguyễn Hân, phường Thọ Xương, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải nộp đầu năm		Số phải thu trong năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	7.832.439.005	-	-	17.069.933.589	17.847.370.799	-	-	7.055.001.795	-	-	-	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	-	-	617.301.833	617.301.833	-	-	-	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	11.033.760.571	-	-	-	11.033.760.571	-	-	-	-	-	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	33.111.618	-	-	1.978.275.718	2.009.921.402	-	-	1.465.934	-	-	-	-
Thuế tài nguyên	188.589.720	-	-	1.436.199.960	1.542.018.060	-	-	82.771.620	-	-	-	-
Thuế đất	-	-	-	141.615.521	141.615.521	-	-	-	-	-	-	-
Tiền thuế đất (*)	-	616.770.566	-	2.086.430.908	2.034.302.274	-	-	564.641.932	-	-	-	-
Thuế môn bài	-	-	-	6.000.000	6.000.000	-	-	-	-	-	-	-
Thuế nhà thầu	6.725.061.150	-	-	15.044.312.279	21.769.373.429	-	-	-	-	-	-	-
Các loại thuế, phí khác	727.540.449	-	-	717.980.675	1.249.882.124	-	-	-	-	-	-	195.639.000
	26.540.502.513	616.770.566	616.770.566	39.098.050.483	58.251.546.013	564.641.932	58.251.546.013	7.334.878.349	564.641.932	564.641.932	7.334.878.349	7.334.878.349

(*) Điều chỉnh tại Công ty Cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc (công ty con): phải thu lại tiền thuế đất đã nộp và hạch toán tính đến cuối năm 2015, đồng thời tính tiền thuế đất phải nộp năm 2016 theo Quyết định số 3029/QĐ-CT ngày 28/07/2016 của Cục Thuế tỉnh Bắc Giang điều chỉnh cho Quyết định số 260/QĐ-CT ngày 24/01/2014 về việc miễn tiền thuế đất 3 năm (từ tháng 07/2010 đến tháng 06/2013 thay vì từ 01/01/2014 đến 31/12/2016) và thông báo số 5265/TB-CT ngày 21/12/2016 của Cục Thuế tỉnh Bắc Giang về đơn giá thuế đất từ năm 2015 đến năm 2019 của Công ty.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	2.479.069.037	2.511.627.356
- Trích trước chi phí hỗ trợ vận chuyển cho khách hàng	460.926.000	558.803.000
	2.939.995.037	3.070.430.356

18. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	609.272.995	346.916.692
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	900.000	900.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	576.069.280	576.280.480
- Phải trả lãi vay	159.848.927.621	-
- Phải trả Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	55.573.309.915	55.562.251.770
- Chênh lệch thuế lấp đặt	13.438.777.576	11.502.471.229
- Vật tư đã nhập kho chưa thanh toán	9.261.204.420	3.551.622.429
- Chi phí dự án tái định cư	1.911.956.217	1.911.956.217
- Bù trừ Thuế GTGT phải nộp DA tái định cư	-	2.623.442.433
- Tiền hoàn thuế nhập khẩu phải trả	4.101.814.195	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.738.577.084	3.911.982.559
	248.060.809.303	79.987.823.809
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	4.281.426.787	1.593.096.187
- Phải trả về thu tiền sử dụng đất tái định cư	65.447.200.000	61.468.340.000
	69.728.626.787	63.061.436.187

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Số lượng cổ phiếu	Giá trị VND
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	97,66%	265.831.000	2.658.310.000.000
Các cổ đông khác	2,34%	6.369.000	63.690.000.000
	100,00%	272.200.000	2.722.000.000.000

c) Cổ phiếu

	31/12/2016	01/01/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	272.200.000	272.200.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	272.200.000	272.200.000
- Cổ phiếu phổ thông	272.200.000	272.200.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	272.200.000	272.200.000
- Cổ phiếu phổ thông	272.200.000	272.200.000
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

d) Các quỹ công ty

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
- Quỹ đầu tư phát triển	4.345.959.199	4.693.430.466
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	36.892.197	24.444.000
	4.382.851.396	4.717.874.466

20. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Doanh thu bán sản phẩm sản xuất	2.157.077.187.332	2.010.266.174.670
	2.157.077.187.332	2.010.266.174.670
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 35)	170.591.047.082	407.510.972.807

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Giá vốn bán sản phẩm sản xuất	2.315.444.524.687	1.921.723.384.059
	2.315.444.524.687	1.921.723.384.059

22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền gửi	843.131.458	12.977.589.850
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	4.648.959.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	50.224.559	9.988.463
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	34.221.373.535	-
Đánh giá lại khoản đầu tư khi cổ phần hóa	-	1.013.752.368
	35.114.729.552	18.650.289.681

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền vay	671.259.021.385	448.123.859.842
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	178.650.000	1.526.121.720
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	70.766.415	18.235.160
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	74.563.742.774	197.132.545.206
Đánh giá lại khoản đầu tư khi cổ phần hóa	-	7.205.107.008
	746.072.180.574	654.005.868.936

24. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	339.849.431	374.142.356
Chi phí nhân công	306.450.773	285.608.616
Chi phí khấu hao tài sản cố định	33.999.996	33.999.996
Chi phí khác bằng tiền (vận chuyển, quảng cáo...)	45.127.503.333	60.326.698.568
	45.807.803.533	61.020.449.536

25. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.761.485.614	2.039.762.652
Chi phí nhân công	35.920.446.422	49.220.353.693
Chi phí khấu hao tài sản cố định	32.101.566.576	10.993.747.632
Chi phí dự phòng	5.210.337.062	-
Thuế, phí, lệ phí	3.421.854.232	4.629.500.036
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.745.736.092	4.572.821.209
Chi phí khác bằng tiền	46.932.429.198	30.669.668.068
	127.093.855.196	102.125.853.290

26. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	227.545.455
Hoàn nhập quỹ phát triển khoa học và công nghệ	-	40.424.109.067
Thuế được giảm	616.770.566	-
Thu tiền phạt, bồi thường	719.455.000	1.682.402.897
Cho thuê mặt bằng	768.596.240	1.160.814.744
Thu nhập khác	188.161.299	1.807.015.220
	2.292.983.105	45.301.887.383

27. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Giá trị còn lại và chi phí từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	322.946.310
Khấu hao tài sản cố định ngừng sản xuất	3.827.614.520	-
Chi tài trợ Trường Sa		1.000.000.000
Các khoản bị phạt	48.073.021	1.102.539.770
Chi phí nạo vét cảng than	465.033.159	-
Chi phí khác	125.787.335	1.043.684.196
	4.466.508.035	3.469.170.276

28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Công ty mẹ	-	11.033.760.571
Công ty con	-	-
	-	11.033.760.571

29. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2016
	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	(1.042.215.770.519)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(1.042.215.770.519)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	272.200.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(3.829)

Công ty chính thức trở thành Công ty cổ phần từ ngày 01/01/2016, do đó không tính lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2015.

30. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.516.222.545.061	1.393.323.101.312
Chi phí nhân công	142.278.860.628	198.236.372.385
Chi phí khấu hao tài sản cố định	683.212.804.605	404.541.016.282
Chi phí dịch vụ mua ngoài	121.100.263.140	77.255.844.804
Chi phí khác bằng tiền	102.114.970.612	82.836.755.482
	2.564.929.444.046	2.156.193.090.265

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	32.783.172.641	-	115.058.037.865	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	137.535.311.162	(5.210.337.062)	285.305.772.931	-
	170.318.483.803	(5.210.337.062)	400.363.810.796	-
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ			8.083.637.390.681	7.487.265.997.700
Phải trả người bán, phải trả khác			744.968.072.997	494.869.283.943
Chi phí phải trả			2.939.995.037	3.070.430.356
			8.831.545.458.715	7.985.205.711.999

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2016				
Tiền và các khoản tương đương tiền	32.783.172.641	-	-	32.783.172.641
Phải thu khách hàng, phải thu khác	132.190.974.100	134.000.000	-	132.324.974.100
	164.974.146.741	134.000.000	-	165.108.146.741
Tại ngày 01/01/2016				
Tiền và các khoản tương đương tiền	115.058.037.865	-	-	115.058.037.865
Phải thu khách hàng, phải thu khác	285.171.772.931	134.000.000	-	285.305.772.931
	400.229.810.796	134.000.000	-	400.363.810.796

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2016				
Vay và nợ	643.704.889.158	2.679.786.519.614	4.760.145.981.909	8.083.637.390.681
Phải trả người bán, phải trả khác	675.239.446.210	69.728.626.787	-	744.968.072.997
Chi phí phải trả	2.939.995.037	-	-	2.939.995.037
	1.321.884.330.405	2.749.515.146.401	4.760.145.981.909	8.831.545.458.715
Tại ngày 01/01/2016				
Vay và nợ	1.281.116.219.440	1.965.861.643.694	4.240.288.134.566	7.487.265.997.700
Phải trả người bán, phải trả khác	431.807.847.756	63.061.436.187	-	494.869.283.943
Chi phí phải trả	3.070.430.356	-	-	3.070.430.356
	1.715.994.497.552	2.028.923.079.881	4.240.288.134.566	7.985.205.711.999

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

32. THÔNG TIN KHÁC

a) Khoản lỗ lũy kế từ thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp đến thời điểm chính thức chuyển sang Công ty cổ phần (từ ngày 01/01/2015 đến hết ngày 31/12/2015) trên Báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ số tiền 669.733.694.565 đồng được thực hiện bàn giao sang Công ty cổ phần theo nội dung tại Bản công bố thông tin bán cổ phần lần đầu Công ty TNHH MTV Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc và Quyết định số 15/QĐ-HCVN ngày 06/01/2017 của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam về phê duyệt quyết toán cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc tại thời điểm chuyển sang Công ty cổ phần.

b) Tại thời điểm 31/12/2016, Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty phản ánh Nợ ngắn hạn là 1.356,7 tỷ VND, Tài sản ngắn hạn là 557,6 tỷ VND; lỗ lũy kế là 1.720,8 tỷ VND. Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của Công ty được trình bày dựa trên cơ sở giả định hoạt động liên tục, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng Công ty có thể cân đối được dòng tiền để thanh toán các khoản nợ khi đến hạn và phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty, đồng thời Tập đoàn Hóa chất Việt Nam đã cam kết sẽ tiếp tục thực hiện đồng bộ, toàn diện các giải pháp để hỗ trợ Công ty ổn định, phát triển sản xuất kinh doanh, đảm bảo khả năng trả nợ.

33. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

34. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Do hoạt động của Công ty chủ yếu chỉ tập trung vào lĩnh vực sản xuất kinh doanh phân bón và chi phát sinh tại tỉnh Bắc Giang nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

35. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Doanh thu bán hàng		170.591.047.082	407.510.972.807
Công ty Cổ phần DAP số 2 - VINACHEM	Cùng Tập đoàn	90.320.600.767	290.233.499.472
Công ty Cổ phần DAP-VINACHEM	Cùng Tập đoàn	12.967.954.309	-
Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hoá chất	Cùng Tập đoàn	10.799.143	-
Công ty TNHH một thành viên Apatit Việt Nam	Cùng Tập đoàn	1.824.262.600	3.509.050.000
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Phân bón Bắc Giang	Công ty liên kết	50.613.932.315	96.434.628.094
Công ty Cổ phần Khí hóa lỏng Hà Bắc	Công ty liên kết	14.853.497.948	17.333.795.241
Mua hàng hóa, dịch vụ		11.088.561.176	6.058.578.800
Công ty Cổ phần Hoá chất Việt Trì	Cùng Tập đoàn	4.141.668.000	3.678.147.800
Công ty Cổ phần Cao Su Sao Vàng	Cùng Tập đoàn	283.748.000	351.362.000
Viện hóa học công nghiệp Việt Nam	Cùng Tập đoàn	4.810.917.950	882.550.000
Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hoá chất	Cùng Tập đoàn	785.641.818	-
Công ty Cổ phần DAP-VINACHEM	Cùng Tập đoàn	1.034.129.000	995.979.000
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Phân bón Bắc Giang	Công ty liên kết	32.456.408	150.540.000

Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính

	Mối quan hệ	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Phải thu của khách hàng		38.329.879.818	73.769.693.004
Công ty Cổ phần DAP số 2 - VINACHEM	Cùng Tập đoàn	36.883.404.084	56.374.174.771
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Phân bón Bắc Giang	Công ty liên kết	10.573.723	14.144.441.463
Công ty Cổ phần Khí hóa lỏng Hà Bắc	Công ty liên kết	1.435.902.011	3.251.076.770
Phải trả người bán		672.270.500	776.927.555
Công ty Cổ phần Hoá chất Việt Trì	Cùng Tập đoàn	235.779.500	468.479.855
Viện hóa học công nghiệp Việt Nam	Cùng Tập đoàn	376.200.000	232.320.000
Công ty Cổ phần DAP-VINACHEM	Cùng Tập đoàn	60.291.000	76.127.700
Phải trả khác		57.763.733.700	55.562.251.770
Công ty Cổ phần Hoá chất Việt Trì	Cùng Tập đoàn	191.492.400	-
Viện hóa học công nghiệp Việt Nam	Cùng Tập đoàn	1.998.931.385	-
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	Công ty mẹ	55.573.309.915	55.562.251.770
Vay		30.000.000.000	-
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	Công ty mẹ	30.000.000.000	-

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	1.612.500.000	2.624.750.074

36. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC và được xử lý tài chính tại thời điểm chính thức trở thành công ty cổ phần, điều chỉnh hồi tố các sự kiện thuộc về công ty TNHH, chi tiết như sau:

a) Bảng cân đối kế toán hợp nhất	Số đã trình bày trên báo cáo năm 2015	Số trình bày lại	Chênh lệch
Mã số	Chi tiêu		
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN	892.417.405.279	(6.087.044.315)
130	Các khoản phải thu ngắn hạn	301.326.958.904	872.402.813
136	Phải thu ngắn hạn khác	24.229.511.431	872.402.813
140	Hàng tồn kho	465.294.951.902	(6.959.089.332)
141	Hàng tồn kho	465.294.951.902	(6.959.089.332)
150	Tài sản ngắn hạn khác	17.696.903.736	(357.796)
152	Thuế GTGT được khấu trừ	16.339.608.535	(357.796)
200	TÀI SẢN DÀI HẠN	9.291.657.651.656	498.675.562.093
210	Các khoản phải thu dài hạn	-	134.000.000
211	Phải thu dài hạn của khách hàng	158.494.500	(24.494.500)
219	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	(158.494.500)	158.494.500
220	Tài sản cố định	8.695.266.634.147	8.999.334.451.416
221	Tài sản cố định hữu hình	8.695.266.634.147	304.067.817.269
222	Nguyên giá	9.949.200.222.895	52.663.515.971
223	Giá trị hao mòn lũy kế	(1.253.933.588.748)	(1.002.529.287.450)
240	Tài sản dở dang dài hạn	78.012.365.544	80.923.918.997
241	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	33.552.541	(1)
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	77.978.813.003	2.911.553.454
250	Đầu tư tài chính dài hạn	17.475.346.749	1.240.165.368
252	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	17.475.346.749	1.240.165.368
260	Tài sản dài hạn khác	2.227.743.123	18.715.512.117
261	Chi phí trả trước dài hạn	2.227.743.123	18.715.512.117
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	9.691.486.539.157	190.322.026.003
		10.184.075.056.935	190.322.026.003
			492.588.517.778

Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc

Đường Trần Nguyễn Hân, phường Thọ Xương, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

c) Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

Mã số	Chỉ tiêu	Số đã trình bày trên báo cáo năm 2015	Số trình bày lại	Chênh lệch
01	<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	(667.382.958.986)	(668.739.300.547)	(1.356.341.561)
07	Các khoản điều chỉnh khác	(40.424.109.067)	(34.232.754.427)	6.191.354.640
08	<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	338.696.753.077	343.531.766.156	4.835.013.079
09	Tăng, giảm các khoản phải thu	(49.968.833.223)	(51.268.340.644)	(1.299.507.421)
11	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	96.025.469.395	93.693.562.312	(2.331.907.083)
20	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	(219.729.525.432)	(218.525.926.857)	1.203.598.575
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	(884.025.206.384)	(880.442.260.136)	3.582.946.248
30	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	(857.137.291.653)	(853.554.345.405)	3.582.946.248

Nguyễn Thu Nga

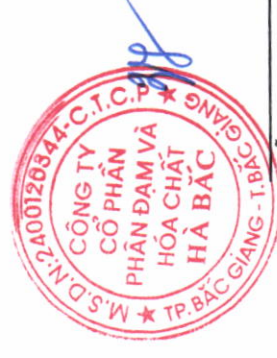
Nguyễn Thu Nga
Người lập biểu

Bắc Giang, ngày 10 tháng 03 năm 2017

Clour

Lê Thị Tân Hoa

Trưởng phòng Kế toán



Đỗ Doãn Hùng

Tổng Giám đốc

